

THỐNG KÊ HỌC SINH TRÚNG TUYỂN
ĐẠI HỌC NĂM HỌC 2021-2022

STT	TRƯỜNG ĐẠI HỌC	TỔNG
1	ĐH Y DƯỢC TPHCM	84
2	ĐH KINH TẾ TPHCM	112
3	ĐH BÁCH KHOA TPHCM	105
4	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	59
5	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	59
6	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	49
7	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	45
8	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	38
9	ĐH FPT	38
10	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	32
11	ĐH LUẬT TPHCM	29
12	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	25
13	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	23
14	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	17
15	KHOA Y ĐHQG TPHCM	15
16	ĐH KINH TẾ TÀI CHÍNH TPHCM	13
17	DU HỌC	14
18	ĐH Y DƯỢC CẦN THƠ	12
19	ĐH SƯ PHẠM TPHCM	12
20	ĐH RMIT	11
21	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TPHCM	11
22	ĐH QUỐC TẾ HỒNG BÀNG	11
23	ĐH CÔNG NGHIỆP TPHCM	10
24	ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TPHCM	10
25	ĐH VĂN LANG	10
26	ĐH TÔN ĐỨC THẮNG	10
27	ĐH VIỆT ĐỨC	8
28	ISB - ĐH KINH TẾ HCM	8
29	ĐH NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TPHCM	8
30	ĐH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TPHCM	8
31	ĐH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	7
32	ĐH MỞ TPHCM	6
33	ĐH KIẾN TRÚC TPHCM	6
34	HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM	4
35	ĐH CẢNH SÁT NHÂN DÂN	4
36	HỌC VIỆN BUU CHÍNH VIỄN THÔNG	4
37	ĐH TÂY NGUYÊN	3
38	ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN	3
39	ĐH TRÀ VINH	3
40	ĐH Y HÀ NỘI	2
41	ĐH NÔNG LÂM	2
42	ĐH SĨ QUAN LỤC QUÂN 2	2
43	HỌC VIỆN KỸ THUẬT MẬT MÃ	2
44	ĐH HOA SEN	2
45	HỌC VIỆN HẢI QUÂN	2
46	HỌC VIỆN HẬU CẦN	2
47	ĐH NAM CẦN THƠ	2
48	ĐH BÁCH KHOA HÀ NỘI	2
49	HỌC VIỆN QUÂN Y	1
50	ĐH VINUNI	1
51	ĐH SỸ QUAN THÔNG TIN	1
52	ĐH THƯƠNG MẠI TPHCM	1
53	ĐH CẦN THƠ	1
54	ĐH SÀI GÒN	1
55	HỌC VIỆN KỸ THUẬT QUÂN SỰ	1
56	HỌC VIỆN TÒA ÁN	1
57	HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ CÔNG AN NHÂN DÂN	1
58	ĐH NỘI VỤ	1
59	ĐH ĐỒNG NAI	1
60	ĐH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	1
61	ĐH BÁCH KHOA ĐÀ NẴNG	1
62	ĐH Y DƯỢC BUỒN MA THUỘT	1
63	ĐH AN NINH NHÂN DÂN	1
64	ĐH GREENWICH	1
65	ĐH ALBERTA - CANADA	1
66	ĐH QUỐC TẾ SWINBURNE	1
66 TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRONG CẢ NƯỚC		962

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC NĂM 2022

STT	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM THI	TRƯỜNG TRÚNG TUYỂN	NGÀNH TRÚNG TUYỂN	LỚP
1	NGUYỄN ĐỨC	TRUNG	26.10	HỌC VIỆN QUÂN Y	Y ĐA KHOA	12D8
2	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	26.80	ĐH Y HÀ NỘI	Y KHOA	12D2
3	ĐẶNG HỮU	PHƯỚC	29.30	ĐH Y HÀ NỘI	Y KHOA	12D2
4	NGUYỄN HƯƠNG	QUỲNH	24.70	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	12A9
5	NGUYỄN TRẦN THÁI	SON	27.30	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	RĂNG HÀM MẶT	12A9
6	LƯƠNG THANH THỦY	TRÚC	26.90	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC	12A9
7	TRẦN THỦY	VY	25.35	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y CỔ TRUYỀN	12A9
8	LÊ THỊ HỒNG	LINH	25.85	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC	12D6
9	NGUYỄN MINH	TRÍ	26.50	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC	12D6
10	PHẠM LÊ TRÂM	ANH	28.40	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA	12A3
11	TRẦN LÊ MINH	CHÂU	28.40	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA_CLC	12A3
12	NGUYỄN NGỌC THÀNH	ĐẠT	27.65	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA_CLC	12A3
13	NGUYỄN CHÂU GIA	HÂN	24.70	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	KT XÉT NGHIỆM	12A3
33	HUỲNH CÔNG	HIẾU	28.20	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA	12A3
34	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	27.95	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA	12A3
14	AN XUÂN	KHÁNH	26.55	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA_CLC	12A3
15	BÙI XUÂN	MAI	27.30	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA_CLC	12A3
16	PHAN XUÂN	MAI	28.80	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	RHM	12A3
17	PHAN PHÚC PHƯƠNG	NAM	27.65	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA_CLC	12A3
18	LÊ NGUYỄN KIM	NGÂN	25.55	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC HỌC	12A3
21	LÊ NGUYỄN HẠNH	NGUYỄN	27.55	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	RHM	12A3
19	TRỊNH THẢO	NHƯ	27.70	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	RHM	12A3
20	LÊ HOÀNG	NHỰT	28.95	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA	12A3
21	TRẦN HỒNG	OANH	28.35	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA	12A3
22	ĐẶNG HOÀNG	PHÚ	27.75	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA	12A3
23	ĐỖ BÁ	QUANG	27.45	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA	12A3
24	TRƯƠNG TRIỀU	QUANG	26.35	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA_CLC	12A3
25	NGÔ THỊ KHÁNH	QUYÊN	26.55	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	RHM_CLC	12A3
26	HOÀNG MAI	QUỲNH	26.70	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA_CLC	12A3
27	TRANG THỊ THANH	THẢO	28.15	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA	12A3
28	ĐOÀN HUỲNH DỊU	TRANG	27.75	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA	12A3
29	NGUYỄN HỒ THANH	TRÚC	25.00	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	KT XÉT NGHIỆM	12A3
30	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	28.90	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA	12A3
31	NGUYỄN PHƯƠNG TƯỜNG	VI	26.80	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA_CLC	12A3
32	ĐOÀN NGÔ KIỀU	VY	25.95	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC HỌC	12A3
33	DƯƠNG THỊ LIÊN	HOA	26.65	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA	12A8
34	TRẦN NGÔ BỬU	PHÁT	26.55	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA	12A8
35	DƯƠNG NGUYỄN QUỐC	ANH	26.00	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC HỌC	12A8
36	NGUYỄN AI	VÂN	25.75	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC HỌC	12A8
1	VÔ NGUYỄN DOANH	DOANH	25.55	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC HỌC	12A8
2	LÊ VÔ YẾN	VY	25.35	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y HỌC CỔ TRUYỀN	12A8
3	MAI TÂN	PHÁT	25.35	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐIỀU DƯỠNG	12A8
4	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	25.15	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC HỌC	12A8
5	TRẦN TRUNG	TÍN	24.85	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	KỸ THUẬT PHỤC HÌNH RĂNG	12A8
6	SÔ-NI-A	HOSSAIN	24.75	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐIỀU DƯỠNG	12A8
7	ĐẶNG NGUYỄN PHÚC	ĐIỀN	27.30	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA	12A9
8	VÔ QUỐC	HUY	27.55	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA	12A9
9	NGUYỄN NGỌC YẾN	NHI	25.40	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC	12A9
10	CHUNG TRẦN MAI	THY	25.80	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC HỌC	12A10
11	ĐỖ THANH	THẢO	26.15	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC HỌC	12A10
12	TRƯƠNG VĨNH	PHÁT	26.25	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC HỌC	12A11
13	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	26.40	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC HỌC	12A11
14	PHẠM CHÍ	TRUNG	25.85	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC HỌC	12A11
15	LƯU NGUYỄN QUANG	ANH	26.80	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA (CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH)	12A12
16	VŨ THỊ KỲ	DUYÊN	25.85	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC	12A12
17	NGUYỄN HẠ NGỌC	HÂN	25.25	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM	12A12
18	KHƯƠNG HỒNG	KHANH	26.75	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	RĂNG HÀM MẶT	12A12
19	NGUYỄN HOÀNG HIẾU	LINH	26.75	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA (CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH)	12A12
20	TRẦN THỊ TUYẾT	MINH	26.80	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y ĐA KHOA	12A12
21	NGUYỄN THỊ KIM	THUẬN	25.10	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC	12A12
22	NGUYỄN HỮU MINH	TRIẾT	27.20	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA (CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH)	12A12
23	PHẠM HOÀNG YẾN	VY	26.85	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC HỌC	12D1
24	NGUYỄN TRUNG	CANG	26.70	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	Y KHOA	12D2
25	NGÔ MINH	HOÀNG	26.05	ĐH Y ĐƯỢC TP HCM	ĐƯỢC HỌC	12D2

26	THÁI MAI	KHANH	25.60	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	ĐƯỢC HỌC	12D2
27	NGUYỄN HÀ TUẤN	LAN	26.30	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM	12D2
28	LƯƠNG THANH	LÂM	26.70	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	Y KHOA	12D2
29	HOÀNG DIỆU	LINH	25.40	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	Y HỌC CỔ TRUYỀN	12D2
30	ĐÌNH THỊ HOÀNG	NGỌC	25.50	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	ĐƯỢC HỌC	12D2
31	LÊ NGUYỄN TRÚC	NHÃ	27.00	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	RĂNG - HÀM - MẬT	12D2
32	VŨ NGỌC MINH	TÂM	26.65	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	Y KHOA	12D2
33	BÙI TRỌNG	TẤN	27.45	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	Y KHOA	12D2
34	LÝ ANH	TIẾN	27.05	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	Y KHOA	12D2
35	HOÀNG ĐÌNH	TÔN	26.75	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	Y KHOA	12D2
36	NGUYỄN THÙY	TRANG	26.15	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	ĐƯỢC HỌC	12D2
37	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRẦN	27.90	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	RĂNG - HÀM - MẬT	12D2
38	LÊ CÔNG	TRỌNG	25.85	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	ĐƯỢC HỌC	12D2
1	ĐỖ ĐẠI	VƯƠNG	27.20	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	Y KHOA	12D2
2	NGUYỄN HUỲNH YẾN	VY	26.40	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	ĐƯỢC HỌC	12D2
3	HOÀNG VŨ	KIỆT	27.50	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	Y ĐA KHOA	12D8
4	ĐỖ VĂN	TRUNG	25.95	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	ĐƯỢC HỌC	12D8
5	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG	ANH	25.40	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	KĨ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC	12D8
6	PHẠM THỊ HỒNG	NHUNG	25.15	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	Y HỌC CỔ TRUYỀN	12D8
7	DƯƠNG KHÁNH	UYÊN	24.90	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	ĐƯỢC HỌC	12D8
8	TRẦN HOÀI	THƯƠNG	24.40	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	ĐIỀU DƯỠNG	12D8
9	PHẠM NGỌC DIỆU	HIỀN	23.20	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	DINH DƯỠNG	12D8
10	NGUYỄN MỸ ANH	THU	25.50	ĐH Y ĐƯỢC TPHCM	ĐƯỢC	12D12
11	NGÔ NGUYỄN KHÁI	HOÀNG	26.30	ĐH Y ĐƯỢC CẦN THƠ	Y KHOA	12A8
12	BÙI TÚ	ANH	25.75	ĐH Y ĐƯỢC CẦN THƠ	Y KHOA	12A8
13	NGUYỄN NGỌC HỒNG	KHUYÊN	25.35	ĐH Y ĐƯỢC CẦN THƠ	Y KHOA	12A9
14	VŨ TẤN	THÀNH	25.75	ĐH Y ĐƯỢC CẦN THƠ	Y KHOA	12A9
15	NGUYỄN LÂN	HÙNG	26.65	ĐH Y ĐƯỢC CẦN THƠ	RĂNG HÀM MẬT	12A12
16	LÊ DUY	KHANG	25.85	ĐH Y ĐƯỢC CẦN THƠ	Y ĐA KHOA	12A12
36	NGUYỄN LÊ KHẢ	VY	24.15	ĐH Y ĐƯỢC CẦN THƠ	ĐƯỢC	12A12
37	NGÔ NGUYỄN	HẠO	26.30	ĐH Y ĐƯỢC CẦN THƠ	Y ĐA KHOA	12D8
38	LÊ VINH HUY	LỘC	25.90	ĐH Y ĐƯỢC CẦN THƠ	Y ĐA KHOA	12D8
39	HÀ THANH	TUẤN	25.65	ĐH Y ĐƯỢC CẦN THƠ	Y ĐA KHOA	12D8
40	DƯƠNG HUỲNH TÂM	CHÂU	26.10	ĐH Y ĐƯỢC CẦN THƠ	Y KHOA	12A3
41	VŨ TIẾN	DƯƠNG	26.05	ĐH Y ĐƯỢC CẦN THƠ	Y KHOA	12A3
42	LÊ GIA	HÒA	26.90	ĐH VINUNI	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12A6
43	HUỲNH CÔNG	THÁI	26.30	ĐH VIỆT ĐỨC	KIẾN TRÚC	12A4
44	TRẦN NGUYỄN MINH	TRÍ	26.45	ĐH VIỆT ĐỨC	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12A6
17	VŨ SỸ	HỌC	25.70	ĐH VIỆT ĐỨC	KỸ THUẬT CƠ KHÍ	12A7
18	LÊ CAO	DƯƠNG	26.40	ĐH VIỆT ĐỨC	KĨ THUẬT CƠ KHÍ	12D3
19	LÊ VĂN NHẬT	MINH	27.20	ĐH VIỆT ĐỨC	KỸ THUẬT ĐIỆN VÀ MÁY TÍNH	12D3
20	LÊ QUANG	NGUYỄN	25.10	ĐH VIỆT ĐỨC	KỸ THUẬT ĐIỆN VÀ MÁY TÍNH	12D3
21	NGUYỄN MINH	KHANG	25.25	ĐH VIỆT ĐỨC	CƠ KHÍ	12D11
22	NGUYỄN CAO ANH	TUẤN	24.20	ĐH VIỆT ĐỨC	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D11
23	NGUYỄN NGỌC	HÂN	22.70	ISB - ĐH KINH TẾ HCM	TRUYỀN THÔNG	12A11
24	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	23.60	ISB - ĐH KINH TẾ HCM	CỦ NHÂN KINH DOANH	12A11
25	TRẦN NGUYỄN NHẬT	UYÊN	23.30	ISB - ĐH KINH TẾ HCM	KINH TẾ	12A11
26	VŨ KHÁNH	AN	21.20	ISB - ĐH KINH TẾ HCM	MARKETING	12D10
27	PHẠM NGỌC THANH	TRANG	25.50	ISB - ĐH KINH TẾ HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12D10
28	DƯƠNG MINH	QUÂN	26.10	ISB - ĐH KINH TẾ HCM	KẾ TOÁN	12D13
29	TRẦN MÃN	NHƯ	21.10	ISB - ĐH KINH TẾ HCM	KINH TẾ QUỐC TẾ	12A6
30	NGUYỄN TRỊNH XUÂN	LỘC	20.95	ISB - ĐH KINH TẾ HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A7
31	LÊ THỊ XUÂN	HÒA	24.20	ĐH KINH TẾ TÀI CHÍNH TPHCM	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	12A6
32	LÊ NHƯ	NGỌC	22.85	ĐH KINH TẾ TÀI CHÍNH TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D9
33	PHẠM NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	24.15	ĐH KINH TẾ TÀI CHÍNH TPHCM	LOGISTICS VÀ QL CHUỖI CUNG ỨNG	12D9
34	BÙI LÊ	HUY	24.35	ĐH KINH TẾ TÀI CHÍNH TPHCM	KINH TẾ TÀI CHÍNH	12D9
35	VŨ HOÀNG	DUNG	22.80	ĐH KINH TẾ TÀI CHÍNH TPHCM	LUẬT KINH TẾ	12A11
36	LƯU VŨ ĐIỂM	MY	24.00	ĐH KINH TẾ TÀI CHÍNH TPHCM	KIỂM TOÁN	12D7
37	ĐỖ HOÀNG	LONG	21.65	ĐH KINH TẾ TÀI CHÍNH TPHCM	LUẬT KINH TẾ	12A6
38	NGUYỄN HOÀNG LAN	ANH	22.60	ĐH KINH TẾ TÀI CHÍNH TPHCM	LUẬT KINH TẾ	12A8
39	TRẦN THUỶ	AN	26.25	ĐH KINH TẾ TÀI CHÍNH TPHCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12D11
1	NGUYỄN THU	HIỀN	24.05	ĐH KINH TẾ TÀI CHÍNH TPHCM	LOGISTIC VÀ QL CHUỖI CUNG ỨNG	12A10
2	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	24.60	ĐH KINH TẾ TÀI CHÍNH TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A10
3	NGUYỄN TÀI PHƯỚC	QUÝ	24.70	ĐH KINH TẾ TÀI CHÍNH TPHCM	KIỂM TOÁN	12A10
4	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	MAI	22.35	ĐH KINH TẾ TÀI CHÍNH TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D10
5	TRẦN NGUYỄN THIÊN	KIM	23.00	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	12A9
6	LƯU THANH	NGHI	24.40	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	DINH DƯỠNG	12A9
7	TRỊNH TRỌNG	NHÂN	27.10	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	RĂNG HÀM MẬT	12A9
8	PHẠM BẢO	PHÚ	26.25	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12A9
9	PHẠM NGUYỄN MINH	TÂM	25.05	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	ĐIỀU DƯỠNG	12A9

10	NGUYỄN NGỌC ANH	THỨ	22.90	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	12A9
11	NGUYỄN NGỌC	THUẬN	25.45	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	KĨ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC	12A9
12	NGUYỄN TÙNG MINH	TÚ	26.70	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	RĂNG HÀM MẬT	12A9
13	VI MINH	HUY	27.00	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12A9
14	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	25.95	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12D2
15	TRẦN LỮ NGỌC	ANH	26.10	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	RĂNG - HÀM - MẬT	12D2
16	TRẦN NHẬT	HUY	25.85	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12D2
17	LÊ TRUNG	KIÊN	27.45	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12D2
18	MAI HỒ NGỌC	LAN	26.85	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	RĂNG - HÀM - MẬT	12D2
19	VŨ LÊ HÀ	NAM	26.50	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12D2
20	NGUYỄN LÊ NGỌC	NHI	26.10	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12D2
21	LƯU NGUYỄN TRÚC	QUỲNH	26.35	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	RĂNG - HÀM - MẬT	12D2
22	NGUYỄN THỊ KIM	QUỲNH	26.05	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12D2
23	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	27.60	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12A8
24	PHAN VIỆT	HÂN	26.85	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12A8
25	LÊ HỮU	PHƯỚC	26.70	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12A8
26	TRẦN HOÀNG	TIẾN	26.20	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12A8
27	NGUYỄN CHÂU NHẬT	MINH	25.85	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12A8
28	NGUYỄN TUẤN	KHANH	27.15	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12A9
29	NGUYỄN THIÊN	MINH	26.25	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	RĂNG HÀM MẬT	12A9
30	PHẠM LÊ ĐỨC	MINH	25.90	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12A9
31	ĐÌNH ĐỨC	ĐẠT	25.90	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y ĐA KHOA	12A12
32	MAI NGUYỄN THIÊN	KIM	25.05	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	KĨ THUẬT XN Y KHOA	12A12
33	HOÀNG LÊ NGỌC	MAI	25.35	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y ĐA KHOA	12A12
34	NGUYỄN ĐÌNH	MINH	26.55	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y ĐA KHOA	12A12
35	HỒNG NGUYỄN KIM	NGÂN	26.15	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y ĐA KHOA	12A12
36	TRẦN LÊ THẢO	NGUYỄN	25.50	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	DƯỢC	12A12
37	TRẦN THÀNH	NHÂN	27.25	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y ĐA KHOA	12A12
38	THÁI ANH	TUẤN	26.50	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y ĐA KHOA	12A12
1	NGUYỄN TRỌNG	PHÚC	27.05	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y ĐA KHOA	12D8
2	TRẦN PHẠM GIA	KIÊN	26.20	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y ĐA KHOA	12D8
3	ĐẶNG THÀNH	LỘC	26.15	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	RĂNG-HÀM-MẬT	12D8
4	NGÔ CHƯƠNG MINH	THỨ	26.05	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y ĐA KHOA	12D8
5	THÁI THÚY	VI	26.00	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	DƯỢC HỌC	12D8
6	LƯƠNG QUANG	TUÔNG	25.90	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y ĐA KHOA	12D8
7	TRẦN MỸ	DUNG	27.35	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12A3
8	TRIỆU HẢI	DƯƠNG	27.85	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	RHM	12A3
9	TRẦN ĐĂNG	KHÁNH	26.75	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12A3
10	HUỲNH NGỌC THUY	LINH	27.05	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12A3
11	TRÀ HUỲNH BẢO	NGỌC	26.05	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12A3
12	TRẦN THỊ YẾN	NHI	26.55	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12A3
13	NGÔ HOÀNG NHÃ	THY	25.70	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12A3
14	HOÀNG NGỌC TUYẾT	TRÚC	27.00	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12A3
15	HUỲNH THỊ THANH	TUYẾT	26.75	ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	Y KHOA	12A3
16	VÕ TRUNG	TÚ	25.55	ĐH TÂY NGUYỄN	Y ĐA KHOA	12D8
17	VÕ XUÂN MINH	TUỆ	24.85	ĐH TÂY NGUYỄN	Y ĐA KHOA	12D8
18	HUỲNH MINH	HUYỀN	24.90	ĐH TÂY NGUYỄN	Y KHOA	12A9
19	LÊ TRUNG	NGUYỄN	25.10	ĐH SỸ QUAN THÔNG TIN	CHỈ HUY - THAM MƯU THÔNG TIN	12A6
20	CHỮ NGỌC	ANH	25.65	ĐH THƯƠNG MẠI TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A1
21	NGUYỄN THÁI	SƠN	26.65	ĐH CẦN THƠ	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A1
22	TRẦN THỊ HẢI	NHƯ	27.65	ĐH SƯ PHẠM TPHCM	SƯ PHẠM	12A1
23	NGUYỄN HUỲNH PHÚC	KHANG	25.75	ĐH SƯ PHẠM TPHCM	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A1
24	NGÔ LÊ	KHOA	26.85	ĐH SƯ PHẠM TPHCM	SƯ PHẠM ANH	12A2
25	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	26.25	ĐH SƯ PHẠM TPHCM	SƯ PHẠM TIN	12A4
26	PHAN TÂN	PHÁT	28.00	ĐH SƯ PHẠM TPHCM	SƯ PHẠM TOÁN	12A5
27	NGUYỄN NGỌC ANH	THY	24.35	ĐH SƯ PHẠM TPHCM	NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC	12A6
28	LÊ HOÀNG THANH	XUÂN	24.90	ĐH SƯ PHẠM TPHCM	GIÁO DỤC TIỂU HỌC	12A10
29	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHƯ	23.70	ĐH SƯ PHẠM TPHCM	SP HÓA	12A11
30	NGUYỄN NHƯ	ANH	26.30	ĐH SƯ PHẠM TPHCM	SƯ PHẠM KHOA HỌC TỰ NHIÊN	12D3
31	NGUYỄN TÀI	ĐỨC	25.95	ĐH SƯ PHẠM TPHCM	KHOA HỌC TỰ NHIÊN	12D7
32	QUÁCH TUẤN	ANH	24.60	ĐH SƯ PHẠM TPHCM	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12D12
33	TRƯƠNG HUỲNH TƯỜNG	VÂN	24.60	ĐH SƯ PHẠM TPHCM	GIÁO DỤC TIỂU HỌC	12D13
34	TRẦN THỊ NHƯ	QUỲNH	25.85	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CÔNG NGHỆ KĨ THUẬT HOÁ HỌC	12A1
35	PHAN GIA	BẢO	25.10	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CƠ ĐIỆN TỬ	12A1
37	NGUYỄN TÀI	TRUNG	24.75	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CNKT MÁY TÍNH	12A5
38	NGUYỄN MẠU LÊ	HOÀNG	25.35	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CÔNG NHỆ KỸ THUẬT MÁY TÍNH	12A7
36	TRẦN NHẬT	KHANG	23.80	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ	12A7
39	LÝ ĐẠI	AN	22.85	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CƠ - ĐIỆN TỬ	12A10
1	NGUYỄN TRẦN VĂN	ANH	23.95	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	KÊ TOÁN	12A10
2	ĐỖ GIA	LỢI	25.55	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	KỸ THUẬT MÁY TÍNH CLC	12A10

3	BÀNH PHÚ	QUÝ	25.80	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CLC TIẾNG V	12A10
4	ĐÌNH NGÔ NGỌC	SƠN	24.40	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CƠ - ĐIỆN TỬ	12A10
5	LÊ HUỖNH ANH	VŨ	26.40	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY	12D5
6	TRƯƠNG QUỲNH	ANH	24.00	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	KÊ TOÁN	12D6
7	LÊ KHẮC	DUYỆT	25.80	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	KỸ THUẬT Ô TÔ	12D6
8	NGUYỄN VIỆT	THẮNG	24.00	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CƠ KHÍ	12D6
9	NGÔ MINH	TUẤN	23.90	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ, VI	12D9
10	NGUYỄN THỊ HỒNG	DUYÊN	25.25	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	KỈ THUẬT Y SINH	12D10
11	LÊ THANH	BÌNH	24.90	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT OTO (CLC TI	12D10
12	PHẠM MAI HỒNG	NHUNG	23.85	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	12D10
13	DƯƠNG GIA	HÀO	24.95	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	12D10
14	BÙI QUANG	VINH	23.70	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY	12D10
15	TRỊNH QUANG	TÙNG	25.40	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CƠ ĐIỆN TỬ CLC TIẾNG VIỆT	12D10
16	NGUYỄN NGỌC	QUÂN	24.75	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (CLC TIẾ	12D10
17	TRẦN QUANG	KHÁI	23.40	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CƠ ĐIỆN TỬ(CHUỖNG TRÌNH CLC D	12D11
18	NGUYỄN ANH	KHOA	24.90	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	ĐIỆN ĐIỆN TỬ	12D11
19	PHẠM ĐÌNH	LỘC	23.25	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ	12D11
20	TRẦN PHẠM ANH	THY	24.40	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	NGÔN NGỮ ANH	12D11
22	LÊ HOÀNG NHƯ	Ý	24.30	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	NGÔN NGỮ ANH (ĐẠI TRẢ)	12D11
23	TRẦN ĐÌNH	HƯNG	26.35	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A2
24	VÔ NGUYỄN	TỶ	26.90	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	KỸ THUẬT OTO	12D4
25	LÊ THÁI	BẢO	25.35	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP	12D4
26	PHAN CẢNH	HIỂU	24.95	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	KỸ THUẬT OTO	12D4
27	NGUYỄN LÊ NGỌC	ĐỨC	25.00	ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TPHCM	KIỂM TOÁN	12D4
28	ĐỖ THÀNH	ĐẠT	25.05	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	KỈ THUẬT CÔNG NGHIỆP	12A11
29	HÀ BÌNH	AN	25.15	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	KỈ THUẬT Ô TÔ (CLC)	12D7
30	BÙI THANH	SANG	26.75	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ Ă	12D7
31	PHẠM NGUYỄN KHÁNH	LINH	23.90	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM CLC	12D8
32	LƯU NGỌC MINH	LONG	22.70	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	CƠ ĐIỆN TỬ	12D13
33	PHẠM QUANG	NGHĨA	25.70	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	ROBOT VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO	12D1
34	NGUYỄN MINH	ANH	25.50	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	NGÔN NGỮ ANH	12D13
35	NGUYỄN TẤN	UY	24.00	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	KIẾN TRÚC	12D13
36	LÊ HIỆP	PHƯỚC	24.35	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	KỈ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ	12D13
37	PHẠM NGUYỄN BẢO	CHÂU	23.70	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	KỈ THUẬT ĐIỆN TỬ Y SINH	12D13
38	TRẦN XUÂN	HOAN	24.85	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	CÔNG NGHỆ VẬT LIỆU	12D13
39	TRẦN GIA	BẢO	25.90	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12D13
1	NGUYỄN QUANG	ĐẠT	22.75	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	QUẢN LÝ XÂY DỰNG	12D12
2	CAO NGUYỄN ANH	ĐỨC	25.10	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	CN KỸ THUẬT MÁY TÍNH (CLC)	12D12
3	BÙI GIA	HÂN	25.30	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	KTĐK - TỰ ĐỘNG HÓA (CLC)	12D12
4	HUỖNH ĐĂNG	HÙNG	25.20	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	CNKT CƠ ĐIỆN TỬ (CLC)	12D12
5	HỒ ĐẮC ANH	HUY	23.25	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	CHẾ TẠO MÁY	12D12
6	NGUYỄN QUỐC	KHANG	25.35	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	KỸ THUẬT Ô TÔ	12D12
7	NGÔ NGUYỄN	KHÁNH	24.90	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	KỸ THUẬT Ô TÔ (CLC)	12D12
8	TÔ QUỐC	MINH	24.35	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	KỸ THUẬT Ô TÔ (CLC)	12D12
9	THƯỢNG ĐẶNG THẢO	MY	23.55	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	CÔNG NGHỆ MAY	12D12
10	PHAN NGUYỄN HỮU	NHÂN	24.45	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	KỸ THUẬT Ô TÔ (CLC)	12D12
11	NGUYỄN TIẾN	NINH	26.60	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	KTĐK - TỰ ĐỘNG HÓA (CLCA)	12D12
12	NGUYỄN VĂN HOÀNG	PHÚC	24.80	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	KỸ THUẬT MÁY TÍNH (CLC)	12D12
13	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	TÀI	24.75	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	CNKT MÁY TÍNH (CLC)	12D12
14	NGUYỄN TIẾN CÔNG	THIỆN	26.25	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	NGÔN NGỮ ANH	12D12
15	LÊ CÔNG	BẢO	26.50	ĐH SƯ PHẠM KỈ THUẬT TPHCM	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12D3
16	LƯƠNG HOÀNG	PHÚC	23.40	ĐH SÀI GÒN	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A7
17	HỒ SƠN	HẬU	27.25	ĐH RMIT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A1
18	QUÁCH TỔNG MINH	NHẬT	27.05	ĐH RMIT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A1
19	TRƯƠNG NHẬT	MINH	25.65	ĐH RMIT	QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	12A2
20	ĐÌNH HOÀNG	TRIỀU	26.40	ĐH RMIT	TÀI CHÍNH - KINH TẾ	12A2
21	LÊ KHẢ	DOANH	23.70	ĐH RMIT	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A6
22	NGUYỄN THỤY THẢO	VY	25.40	ĐH RMIT	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A6
23	NGUYỄN NGỌC TRANG	ANH	25.70	ĐH RMIT	THIẾT KẾ ỨNG DỤNG SÁNG TẠO	12A7
24	PHẠM LÊ GIA	HUY	25.10	ĐH RMIT		12D4
25	BÙI TRUNG	KIÊN	24.05	ĐH RMIT		12D4
26	PHAN VĂN	KHÁI	25.90	ĐH RMIT	KIỂM TOÁN	12D13
27	ĐẶNG THỊ GIÁNG	MY	23.75	ĐH RMIT	TÂM LÝ HỌC	12D10
28	LÊ	TUẤN	26.45	KHOA Y ĐHQG TPHCM	Y ĐA KHOA	12D8
29	HOÀNG THỤY NHẬT	LINH	25.85	KHOA Y ĐHQG TPHCM	DUỠC HỌC	12D8
30	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	NGUYỄN	25.40	KHOA Y ĐHQG TPHCM	DUỠC HỌC	12A8
31	TRẦN VÕ THIÊN	ÂN	26.30	KHOA Y ĐHQG TPHCM	Y KHOA	12D2
32	TRỊNH HOÀNG QUỐC	BẢO	24.40	KHOA Y ĐHQG TPHCM	DUỠC HỌC	12D2
33	LÊ HẠ	THI	26.05	KHOA Y ĐHQG TPHCM	RĂNG - HÀM - MẬT	12D2
34	NGUYỄN THỊ THUY	TRANG	26.50	KHOA Y ĐHQG TPHCM	Y KHOA	12D2

35	PHAN MINH	TRÍ	25.70	KHOA Y ĐHQG TPHCM	RĂNG - HÀM - MẶT	12D2
36	LÊ THỊ LƯU	VÂN	25.60	KHOA Y ĐHQG TPHCM	RĂNG - HÀM - MẶT	12D2
37	PHẠM ĐÌNH	PHÁT	25.35	KHOA Y ĐHQG TPHCM	ĐƯỢC (CLC)	12D1
38	TRẦN LÊ MINH	PHƯƠNG	25.80	KHOA Y ĐHQG TPHCM	Y ĐA KHOA CLC	12A12
39	NGUYỄN HỒ MINH	QUÂN	25.45	KHOA Y ĐHQG TPHCM	RĂNG HÀM MẶT (CHỨNG CHỈ TIẾNG	12A12
1	NGUYỄN VĂN	TOÀN	26.25	KHOA Y ĐHQG TPHCM	RĂNG HÀM MẶT	12A12
2	NGUYỄN HẠNH	DUYÊN	25.35	KHOA Y ĐHQG TPHCM	KHOA Y	12A10
3	BÙI XUÂN	LAN	24.55	KHOA Y ĐHQG TPHCM	Y HỌC CỔ TRUYỀN	12A10
4	BÙI CHÂU ĐAN	THANH	24.20	ĐH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	GIÁO DỤC HỌC	12D13
5	ĐỖ NAM	CUÔNG	26.30	ĐH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	TÂM LÝ HỌC	12D3
6	NGUYỄN ANH	KHÔI	25.70	ĐH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	NGÔN NGỮ ANH	12D3
7	QUÁCH THANH	TRUNG	26.55	ĐH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	QUAN HỆ QUỐC TẾ	12A5
8	NGUYỄN MINH YẾN	PHỤNG	25.25	ĐH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	QUẢN TRỊ DVDL	12A5
9	NGUYỄN ĐỨC	THỊNH	26.50	ĐH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	TRIẾT HỌC	12A5
10	ĐÌNH NGỌC MINH	ANH	26.40	ĐH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	QUAN HỆ QUỐC TẾ	12D7
11	LÊ TUẤN	ANH	27.45	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A1
12	LÊ PHAN NGỌC	HIẾU	26.75	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	KHOA HỌC DỮ LIỆU	12A1
13	VŨ KIỀU PHƯƠNG	VY	25.30	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	VẬT LÝ Y KHOA	12A10
14	ĐOÀN MINH	THƯ	24.40	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	HÓA HỌC	12A10
15	NGUYỄN ĐỨC	LONG	25.40	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	HÓA HỌC	12D8
16	VŨ NGUYỄN NGỌC	NGÂN	25.70	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	HÓA HỌC	12A11
17	NGUYỄN GIA	NGUYỄN	27.00	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A11
18	NGUYỄN TÂN	RẠNG	26.35	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG	12D4
19	NGUYỄN QUANG	DUY	26.35	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CLC	12A2
20	TRẦN HÀ LÊ	HÂN	27.20	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	MÁY TÍNH & CNTT	12A2
21	NGUYỄN DƯƠNG PHƯỚC	HUY	27.50	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CLC	12A2
22	PHẠM MINH	ANH	28.55	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12A3
23	THÁI HỮU	THỌ	27.55	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12A3
24	NGÔ PHẠM BẢO	CHÂU	23.20	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG	12A6
25	NGUYỄN THỦY	TIÊN	25.60	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG	12A9
26	VŨ CHÂU MINH	TRÍ	28.55	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH (CHẤT LƯỢNG	12D1
27	LÂM HỒNG ANH	ĐỨC	26.05	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	NHÓM NGÀNH MÁY TÍNH VÀ CNTT	12D1
28	NGUYỄN VĨNH	TƯỜNG	27.50	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	NHÓM NGÀNH MÁY TÍNH VÀ CÔNG	12D1
29	LÊ HOÀNG	SON	26.25	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	NHÓM NGÀNH MÁY TÍNH VÀ CNTT	12D7
30	NGÔ HÙNG KHÁNH	CUÔNG	25.20	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG	12D9
31	BÙI CÔNG	MẬU	27.25	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	CNTT	12A5
1	ĐÀO NGỌC	HÙNG	26.85	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CLC	12A2
2	PHẠM NGỌC	PHÚ	25.95	ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TPHCM	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12D3
3	TRẦN QUỐC	KHANH	25.80	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	LOGISTICS VÀ CHUỖI QUẢN LÝ CUN	12A11
4	NGUYỄN THỊ THANH	HÀ	25.50	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	LOGISTICS	12A4
5	BÙI NHẬT	MINH	27.50	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	LOGISTICS	12A4
6	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VY	23.80	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	KẾ TOÁN	12A4
7	TẠ THÁI GIA	BẢO	24.05	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12A6
8	TRẦN NGỌC HẢI	AN	22.75	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A7
9	NGUYỄN PHAN NGỌC	ANH	26.15	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH CTLK	12A10
10	ĐẶNG KIM	HOÀN	25.55	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	LOGISTIC VÀ QL CHUỖI CUNG ỨNG	12A10
11	NGUYỄN QUỐC	KỶ	24.60	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	LOGISTIC VÀ QL CHUỖI CUNG ỨNG	12A10
12	HOÀNG DUY	ANH	26.00	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	LOGISTIC VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG	12D7
13	NGUYỄN HẢI	LÂM	25.55	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	LOGISTIC VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG	12D7
14	PHẠM HUỖNH TRÚC	LINH	25.00	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D7
15	NGUYỄN NGỌC THẢO	LY	26.10	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D7
16	NGUYỄN HỮU	KHANG	27.30	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D3
17	PHẠM PHƯƠNG	NGA	26.30	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D5
18	NGUYỄN THANH	TRÚC	25.55	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D5
19	LÊ THỊ HOÀNG	YẾN	25.45	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	LOGISTICS	12D5
20	NGUYỄN MINH	HẢI	26.60	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D4
21	ĐÀM KIẾN	ĐẠT	25.30	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D4
22	NGUYỄN HOÀNG	KHÔI	21.70	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG	12A6
23	KHUẤT MINH	NGỌC	24.95	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A6
24	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	NHƯ	22.40	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	KỸ THUẬT Y SINH	12A6
25	TRẦN PHẠM HƯƠNG	THẢO	23.50	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	TOÁN ỨNG DỤNG	12A6
26	NGUYỄN NHẬT	TOÀN	24.95	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUN	12A6
27	LÊ THỊ MINH	ANH	24.05	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D6
28	NGUYỄN PHÁT	ĐẠI	24.00	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D6
29	HUỖNH TÂN	ĐẠT	24.55	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D6
30	NGUYỄN ĐỨC MINH	KHOA	25.10	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D6
31	NGUYỄN LÂM	NGUYỄN	23.10	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D6
32	NGUYỄN MẠNH	TIÊN	23.40	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D6
1	ĐỖ NGỌC QUỲNH	TRANG	24.85	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D6
2	LÊ BẢO	VÂN	23.70	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D6

3	ĐINH CÔNG	VINH	23.80	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D6
4	HỮA QUỐC	VIỆT	24.30	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D6
5	TRẦN NGUYỄN THẢO	UYÊN	24.75	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D9
6	ĐỖ TRỌNG	TIỀN	24.80	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D9
7	VŨ THỊ HOÀNG	OANH	24.55	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D9
8	VÕ THANH	NGÂN	24.95	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	NGÔN NGỮ ANH	12D9
9	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	23.85	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	NGÔN NGỮ ANH	12D9
10	TRẦN ĐĂNG	VƯỢNG	24.70	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	LOGISTICS VÀ QL CHUỖI CUNG ỨNG	12D9
11	BÙI NGỌC	ANH B	24.40	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	NGÔN NGỮ ANH	12D9
12	BÙI NGỌC	ANH A	24.85	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	LOGISTICS VÀ QL CHUỖI CUNG ỨNG	12D9
13	NGUYỄN HOÀNG	TRÂM	24.10	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D9
14	NGUYỄN TUYẾT	TRẦN	23.75	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	12D9
24	MAI QUỲNH BẢO	TRẦN	25.45	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	KẾ TOÁN	12D9
23	NGUYỄN PHÚC	KHANG	24.20	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D9
25	NGUYỄN PHÚC	KHÁNH	23.45	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D10
26	NGUYỄN ĐỖ THANH	GIANG	25.55	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	LOGISTIC	12D10
15	NGUYỄN TUẤN	ANH	22.25	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	KỸ THUẬT HỆ THỐNG CÔNG NGHIỆP	12D10
16	HÀ THỊ PHƯƠNG T	THANH	25.15	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D10
17	TRẦN THỊ THÁI	AN	25.40	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D11
18	NGUYỄN ĐẠI	LÂM	27.25	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	LOGISTIC VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	12D11
19	PHẠM TRẦN THÀNH	NHÂN	24.00	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D11
20	NGUYỄN MINH	TOÀN	23.55	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	KHOA HỌC DỮ LIỆU	12D11
21	NGUYỄN VIỆT	TRUNG	25.10	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D11
22	DƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	23.90	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D11
27	NGUYỄN THẾ	HÙNG	24.20	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	KTĐK - TỰ ĐỘNG HÓA (CLCA)	12D12
28	NGUYỄN ĐỨC	AN	25.70	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12D13
29	PHAN NGỌC KIM	NGÂN	23.40	ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TPHCM	KẾ TOÁN	12D13
30	LÊ HUỲNH PHƯƠNG	NHI	25.60	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	KẾ TOÁN	12A7
31	HOÀNG NGỌC	TRÂM	25.30	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	KINH TẾ (KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP)	12D1
32	MAI LƯƠNG KHÁNH	HUYỀN	25.15	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	KINH TẾ ĐỐI NGOẠI (CLC)	12D1
33	PHẠM THỊ ANH	THƯ	25.55	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	LUẬT KINH TẾ (LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ)	12D1
34	PHẠM THỊ LAN	PHƯƠNG	26.10	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (CLC)	12D1
35	ĐẶNG THỊ MAI	LAN	26.80	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	12D3
36	ĐOÀN GIA BẢO	NGỌC	26.55	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	12D3
37	TRẦN KHÔI	NGUYỄN	26.70	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	KINH TẾ QUỐC TẾ	12D3
38	LÊ MẠNH	HÙNG	27.10	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	KINH TẾ QUỐC TẾ	12D4
39	PHẠM MAI GIA	HY	24.55	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	KINH TẾ	12D4
40	TRẦN THÁI	DƯƠNG	22.80	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	KINH TẾ QUỐC TẾ	12D4
41	PHẠM TUẤN	ANH	25.50	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	LUẬT KINH TẾ	12D5
42	TRẦN THỊ NGỌC	ANH	26.30	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	KINH TẾ QUỐC TẾ	12D5
43	NGUYỄN THANH	LUÂN	27.40	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	KINH TẾ QUỐC TẾ	12D5
44	TẠ THỊ KIM	NGÂN	24.75	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D5
1	TRẦN NGUYỄN QUỲNH	GIAO	24.35	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	KINH TẾ HỌC (CLC)	12D7
2	LÊ TRUNG	LỘC	25.70	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	LUẬT KINH TẾ (LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ)	12D7
3	HÀ TRẦN NGỌC	QUÝ	26.95	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ (CLC)	12D7
4	HUỲNH TRÍ	NHÂN	26.35	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D9
5	PHẠM NHẬT	MINH	26.15	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	KINH TẾ QUỐC TẾ	12D9
6	VŨ THỊ ĐOAN	TRANG	24.25	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D9
7	PHAN ĐẠI	NGHĨA	26.20	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D9
8	LÊ NAM	TUYÊN	24.85	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH	12D11
9	TRẦN THỊ ANH	ĐÀO	27.35	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	12D13
10	TRẦN NAM	PHONG	24.15	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	TOÁN KINH TẾ	12A10
11	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRẦN	26.75	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	KINH TẾ ĐỐI NGOẠI	12A10
12	NGUYỄN CÔNG TIÊU	VI	26.60	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	MARKETING	12A5
13	BÙI HẢI	YẾN	27.40	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	KINH TẾ ĐỐI NGOẠI	12A5
14	NGUYỄN YẾN	LINH	26.35	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	TÀI CHÍNH NH	12A5
15	TRẦN NHẬT	LINH	26.65	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	TÀI CHÍNH NH	12A5
16	NGUYỄN THANH	DUYÊN	27.20	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ (CLC BÊN LƯỚI)	12A1
17	PHẠM PHÚC	AN	27.30	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	KIỂM TOÁN CLC	12A2
18	TRẦN NGỌC THANH	NGÂN	26.15	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	12A2
19	NGÔ THỊ KIM	OANH	26.75	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A2
20	MAI THỊ DIỄM	TRINH	27.65	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A2
21	CHU THỊ THÙY	DUNG	26.60	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ _CLC	12A4
22	ĐẶNG TRẦN LINH	HÂN	25.95	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	LUẬT	12A4
23	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TUYÊN	26.35	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	LUẬT	12A4
24	ĐÌNH THÚY	QUỲNH	25.00	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	MARKETING	12A5
25	NGUYỄN THỊ YẾN	LINH	25.05	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	LUẬT DẪN SỰ	12A11
26	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRẢ	26.50	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	KINH TẾ QUỐC TẾ	12A11
27	HUỲNH THỊ MỸ	DUYÊN	25.00	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH	12D4
28	NGUYỄN HÀ ĐAN	THƯ	25.45	ĐH KINH TẾ LUẬT TPHCM	LUẬT KINH DOANH	12D6

29	NGUYỄN HOÀNG	LONG	25.05	ĐH KINH TẾ LUẬT TP HCM	KINH TẾ HỌC (CHẤT LƯỢNG CAO)	12D10
30	TRỊNH HẢI Y	YẾN	24.70	ĐH KINH TẾ LUẬT TP HCM	LUẬT TÀI CHÍNH	12D10
31	PHẠM ĐỨC	TRUNG	26.85	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP HCM	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A1
32	TRƯƠNG ĐẮC	DIỄN	26.80	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP HCM	NGÀNH KỸ THUẬT PHẦN MỀM	12A1
35	HỒ NGỌC	HẢI	26.05	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12A1
45	HUỖNH GIA	LÂM	26.65	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12A4
1	ĐÀO MINH	HẢI	27.25	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12D1
2	NGUYỄN LAN	NGỌC	26.05	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP HCM	THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	12D1
3	TRỊNH QUANG	SANG	26.65	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP HCM	KỸ THUẬT PHẦN MỀM	12D3
4	NGUYỄN TIỀN	ĐỨC	26.75	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP HCM	KỸ THUẬT MÁY TÍNH	12D4
5	ĐÀO CÔNG	SON	25.75	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP HCM	MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG	12D9
6	NGUYỄN MINH	CUÔNG	25.50	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP HCM	HỆ THỐNG THÔNG TIN	12D13
7	PHẠM VĂN QUANG	HUY	27.15	ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP HCM	HỆ THỐNG THÔNG TIN	12D7
8	LÊ ĐỨC	DUY	27.15	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT PHẦN MỀM	12A2
9	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	28.15	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	NGÀNH KHOA HỌC MÁY TÍNH	12A1
10	NGUYỄN PHÚC	BÌNH	27.95	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12A1
11	VŨ SONG	ANH	27.35	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12A1
12	TRẦN LÊ	CUÔNG	27.25	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT MÁY TÍNH	12A1
13	NGUYỄN THỤC	NHI	27.05	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT HOÁ	12A1
14	NGUYỄN BÀ NHẬT	QUANG	26.85	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12A1
15	PHẠM TẤN	LỘC	26.75	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ	12A1
16	ĐỖ ĐỨC	HUY	29.00	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ	12A2
17	NGUYỄN QUỲNH TRÚC	MY	26.25	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT VẬT LIỆU CLC	12A2
33	ĐOÀN PHƯƠNG	NAM	27.25	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT ĐIỆN ĐIỆN TỬ (CTTT)	12A2
18	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	NHI	26.50	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH CLC	12A2
19	HOÀNG ĐỨC	CHÍNH	27.25	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12A4
20	NGŨ THÊ	HÙNG	24.10	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	LOGISTICS	12A4
21	HỒ QUỐC	NAM	24.70	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ	12A4
22	NGUYỄN THỊNH	PHÁT	24.95	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT Ô TÔ	12A4
23	HOÀNG MINH	QUÂN	26.70	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT MÁY TÍNH	12A4
24	TRIỆU THÀNH	VINH	25.15	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT ĐIỆN; ĐIỆN TỬ - VIỄN TH	12A4
25	ĐẶNG GIA	BẢO	25.25	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	LOGISTICS	12A5
26	TRẦN THANH	BÌNH	27.85	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MT	12A5
27	ĐẶNG TIỀN	ĐẠT	28.55	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MT	12A5
28	PHAN ĐĂNG	KHOA	24.85	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KT CƠ ĐIỆN TỬ	12A5
29	NGUYỄN LÊ DUY	LONG	26.25	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KT CƠ ĐIỆN TỬ	12A5
30	NGUYỄN HUỖNH PHƯƠNG	MAI	25.40	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	LOGISTICS	12A5
31	NGUYỄN MINH	ĐẠT	26.40	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ	12A7
32	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	HƯƠNG	23.25	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KIẾN TRÚC	12A7
1	VÕ HOÀNG BẢO	KHANH	25.65	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT CƠ KHÍ	12A7
2	NGUYỄN HOÀNG GIA	BẢO	25.95	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT XÂY DỰNG	12A10
3	TRẦN NGUYỄN NAM	HẢI	26.45	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12A10
4	NGUYỄN HOÀNG MINH	HIỆU	27.60	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT MÁY TÍNH CLC	12A10
5	HỒ DUY	KHÁNH	26.05	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ, ĐK TỰ	12A10
6	NGUYỄN TRẦN TẤN	PHÚC	26.95	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT MÁY TÍNH	12A10
7	BÙI TIỀN	ĐẠT	26.40	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	ĐIỆN - ĐIỆN TỬ	12A11
8	PHAN PHƯỚC	HẢI	22.10	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT ĐỆT	12A11
9	LÊ ĐÌNH	NGHĨA	26.60	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12A11
34	NGUYỄN NGỌC HIỀN	PHÚC	24.55	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP	12A11
10	NGUYỄN THANH	TÂN	25.85	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT Ô TÔ	12A11
11	NGUYỄN THỊ HẢI	ANH	25.40	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	CN MÔI TRƯỜNG	12D2
12	NGUYỄN XUÂN	HY	25.55	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT MÁY TÍNH	12D2
13	BÙI NGỌC DIỄM	QUỲNH	27.45	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12D2
14	TRẦN PHAN	DUY	24.70	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT Ô TÔ	12D3
15	TRẦN KHÁNH	NGỌC	25.80	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KIẾN TRÚC	12D3
16	VÕ NGỌC BẢO	TRẦN	26.70	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	LOGICSTIS	12D3
17	TRẦN THỊ PHƯƠNG	VY	26.50	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KIẾN TRÚC CẢNH QUAN	12D3
18	TRẦN PHÚ	ĐỨC	26.60	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12D5
19	NGUYỄN VŨ	HOÀNG	26.40	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT ĐIỆN	12D5
20	HUỖNH THỊ MỸ	LIÊN	25.10	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG	12D5
21	NGUYỄN BẢO	LONG	25.65	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ	12D5
22	LÊ PHAN NHẬT	MINH	27.05	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12D5
23	NGUYỄN ĐỨC	NGUYỄN	28.30	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12D5
24	HÀ THANH	THỦY	25.10	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP	12D5
25	TRƯƠNG QUỐC	VŨ	27.40	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ	12D5
26	ĐỖ ĐÌNH	ANH	25.10	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	XÂY DỰNG	12D6
27	ĐẶNG ĐỨC	TÀI	27.20	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	CƠ KHÍ	12D6
28	NGÔ NGỌC LÊ	THẮNG	25.20	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	XÂY DỰNG	12D6
29	LÊ SỸ NHẬT	ANH	25.90	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	LOGISTIC VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG	12D7
30	NGÔ HOÀNG	HIỆP	27.70	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	CƠ ĐIỆN TỬ	12D7

31	VƯƠNG QUANG	KHÁI	27.40	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12D7
32	NGUYỄN	LÂM	26.10	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ	12D7
33	TRẦN TIỀN	THÀNH	25.30	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KĨ THUẬT DẦU KHÍ	12D7
34	NGUYỄN BÌNH AN	KHANG	25.35	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KĨ THUẬT HÓA HỌC	12D8
35	NGUYỄN THỊ THẢO	DƯƠNG	24.95	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KĨ THUẬT HÓA HỌC	12D8
36	NGÔ CHÂU	TUẤN	24.70	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KĨ THUẬT HÓA HỌC	12D8
37	LÝ KHÁNH	LINH	24.45	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KĨ THUẬT HÓA HỌC	12D8
38	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	23.75	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KĨ THUẬT HÓA HỌC	12D8
1	NGUYỄN THÁI	DƯƠNG	25.50	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG	12D9
2	VÕ THÁI	SON	25.00	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG	12D9
3	TRƯỜNG ANH	KHÔI	23.95	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG	12D9
4	NGUYỄN HOÀNG	HẠO	25.45	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ VÀ VIỄN THÔNG	12D9
5	NGUYỄN ANH	QUÂN	23.50	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT XÂY DỰNG	12D9
6	MAI ĐẮC	THIỆN	25.75	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT MÁY TÍNH	12D9
7	LÊ ĐẠI	DƯƠNG	25.40	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT Ô TÔ	12D9
8	TRẦN LÂM TUYẾT	NHI	24.85	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	VẬT LÝ KỸ THUẬT	12D10
9	PHAN ĐĂNG	NHÂN	22.85	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ	12D10
10	CAO PHI	LONG	25.00	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT CƠ KHÍ	12D10
11	HUỲNH CHÍNH	NGHỊ	24.65	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	ĐIỆN - ĐIỆN TỬ (CTTT)	12D10
12	LÊ NGỌC K	KHÁNH	24.85	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	12D10
13	LÊ GIA THUẬN	THIỆN	23.10	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT NHIỆT (NHIỆT LẠNH)	12D10
14	NGUYỄN QUANG	HOÀNG	25.15	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KĨ THUẬT QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP	12D11
15	NGUYỄN TRINH BẢO	SON	26.10	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG HÓA	12D11
16	NGUYỄN ĐẶNG BÍCH	THỦY	24.50	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KIẾN TRÚC	12D11
17	PHẠM VIỆT	ANH	23.75	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	CƠ KỸ THUẬT	12D12
18	TRƯỜNG QUỐC	ANH	25.60	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	CƠ ĐIỆN TỬ	12D12
19	HOÀNG MINH	TIỀN	26.35	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	CƠ ĐIỆN TỬ	12D4
20	TRẦN THANH	NHÃ	26.05	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG	12D4
21	TỪ MINH	TUYÊN	25.90	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KIẾN TRÚC	12D4
22	BẠCH NGỌC ANH	KHOA	25.90	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT OTO	12D4
23	NGUYỄN AN MINH	HOÀNG	25.80	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	12D4
24	NGUYỄN NGỌC MINH	TUÔNG	25.75	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	12D4
25	DƯƠNG HỮU	TRÍ	25.35	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	CƠ ĐIỆN TỬ	12D4
26	HOÀNG TRẦN XUÂN	THẮNG	25.15	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	CƠ ĐIỆN TỬ	12D4
27	ĐẶNG DUY	TIỀN	28.70	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH (CLC)	12A2
28	NGUYỄN AN	KHANG	28.20	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12D1
29	NGUYỄN MINH	KHANG	26.45	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12D1
30	HỒ TUẤN	LINH	28.20	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12D1
31	HUỲNH MINH	NHẬT	25.35	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12D1
32	LÊ VĂN QUANG	VINH	26.50	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12D1
33	PHẠM NGỌC	KHƯƠNG	26.60	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KĨ THUẬT Ô TÔ	12D1
34	NGUYỄN MINH	QUANG	25.65	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KĨ THUẬT Ô TÔ (CLC)	12D1
35	LÊ NHÃ	VY	25.65	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT ĐIỆN; KỸ THUẬT ĐT -VT;	12D1
36	NGUYỄN THẾ	HẢI	26.65	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KỸ THUẬT ĐIỆN-ĐIỆN TỬ	12D1
37	PHẠM KHẮC	THUẬN	24.70	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP	12D13
38	TRẦN ĐỨC	TÀI	23.15	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KĨ THUẬT CƠ KHÍ	12D13
39	HUỲNH DUY	PHI	26.25	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KĨ THUẬT CƠ ĐIỆN TỬ	12D13
40	LÊ ANH	KHOA	27.45	ĐH BÁCH KHOA TP HCM	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12D3
41	ĐỒNG BẢO	THẠCH	24.55	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y KHOA	12D2
42	CAO NGUYỄN TỎ	NHƯ	25.65	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y KHOA	12A8
1	TRẦN NGUYỄN THÙY	LINH	25.20	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y KHOA	12A8
2	NGUYỄN YẾN	NHI	25.20	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y KHOA	12A8
3	NGUYỄN LINH	NHÂN	24.85	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y KHOA	12A8
4	LÊ ANH	QUÂN	24.20	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y KHOA	12A8
5	ĐÌNH LÊ GIA	HÂN	19.20	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	DUỐC HỌC	12A8
6	PHAN THANH YẾN	NHI	24.65	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y KHOA	12A9
7	PHẠM TUẤN	ANH	25.10	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y ĐA KHOA	12A12
8	TRẦN VÕ ĐỒNG	ANH	25.05	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y ĐA KHOA	12A12
9	HUỲNH GIA	HÂN	26.00	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y ĐA KHOA	12A12
10	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	25.05	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y ĐA KHOA	12A12
11	NGUYỄN PHƯƠNG	PHI	26.55	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y KHOA	12D1
12	NGUYỄN CHÍ	TÂM	25.35	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y ĐA KHOA	12D8
13	ĐỖ MINH	PHÚC	25.25	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y KHOA	12D11
14	HOÀNG ANH	THỨ	22.95	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y KHOA	12D11
15	TRẦN VŨ THẢO	NGUYỄN	24.25	ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	Y KHOA	12A9
16	TRẦN ĐĂNG	KHÁI	27.40	ĐH NGOẠI THƯƠNG TP HCM	LOGISTIC VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG	12A1
17	PHẠM HUỲNH HIỆP	AN	26.00	ĐH NGOẠI THƯƠNG TP HCM	CỦ NHÂN KINH DOANH	12A1
18	BÙI YẾN	NGỌC	21.45	ĐH NGOẠI THƯƠNG TP HCM	KINH DOANH VÀ THƯƠNG MẠI QUỐC	12A7
19	NGUYỄN HUỲNH TRÚC	ANH	27.15	ĐH NGOẠI THƯƠNG TP HCM	LOGISTICS VÀ CHUỖI QUẢN LÝ CUN	12A11
20	PHẠM KHÁNH	NGÂN	27.30	ĐH NGOẠI THƯƠNG TP HCM	KINH TẾ ĐỐI NGOẠI	12A11

21	NGUYỄN LƯU MINH	THỨ	27.50	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	KINH TẾ ĐỐI NGOẠI	12D6
22	NGUYỄN HÀ	MY	28.05	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D8
23	LÊ THỊ THANH	THÚY	24.75	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	KINH TẾ ĐỐI NGOẠI	12D8
24	LÊ ĐỖ MINH	THỨ	23.80	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	CỦ NHÂN KINH DOANH	12D13
25	TRẦN BẢO	ĐÔNG	27.80	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	KINH TẾ ĐỐI NGOẠI	12A2
26	TRẦN THỊ THANH	NGÂN	28.10	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	KINH TẾ ĐỐI NGOẠI	12A2
27	NGUYỄN VI THẢO	NHI	27.75	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	KINH TẾ ĐỐI NGOẠI	12A2
28	LÊ HỒ YẾN	NHY	27.80	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A2
29	PHAN THÀNH	PHÚ	28.45	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A2
30	TRƯỜNG THỊ MAI	TRÂM	28.05	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A2
31	LÊ HUỠNH MINH	CHÂU	27.95	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D3
32	BÙI LƯU VIỆT	HÙNG	26.50	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D3
33	HUỠNH KHÁNH UYÊN	NGÂN	27.80	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	NH - TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	12D3
34	NGUYỄN PHÚ	PHƯƠNG	27.70	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	KINH TẾ ĐỐI NGOẠI	12D3
35	PHẠM NGỌC	THẢO	27.10	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	KẾ TOÁN	12D3
36	PHẠM MINH	THUẬN	27.45	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	LOGICSTIS	12D3
37	LÊ TRỌNG	HUY	27.10	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D5
38	TRẦN NGỌC QUỲNH	NHƯ	27.00	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D5
39	CHUNG THÀNH	ĐẠT	26.95	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH(CT LIÊN KẾ	12D7
1	PHẠM THỊ THANH	THẢO	26.95	ĐH NGOẠI THƯƠNG TPHCM	KINH TẾ ĐỐI NGOẠI	12D3
2	NGUYỄN THỊ THÚY	VY	25.95	ĐH NÔNG LÂM	NGÔN NGỮ ANH	12D5
3	NGUYỄN DUY L	LONG	24.75	ĐH NÔNG LÂM	THỦ Y	12D10
4	NGUYỄN THỊ BÍCH	HƯỜNG	24.05	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	TÀI CHÍNH NGHÂN HÀNG (CLC)	12D12
5	NGUYỄN DƯƠNG HÀ	VY	24.00	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	TÀI CHÍNH NGHÂN HÀNG (CLC)	12D12
6	PHAN TRƯƠNG KIẾN	QUỐC	25.30	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG	12A1
7	NGUYỄN KIM	TUYỀN	24.75	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A4
8	VÕ THÁI THƯ	TRANG	23.95	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	TC NGÂN HÀNG	12A5
9	VƯƠNG THỊ ĐOÀN	TRANG	24.00	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	NGÔN NGỮ ANH	12A5
10	NGUYỄN HOÀNG UYÊN	PHƯƠNG	22.85	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A7
11	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	25.70	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	KINH TẾ QUỐC TẾ	12A7
12	NGUYỄN NGỌC	DUNG	25.25	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	KẾ TOÁN	12A10
13	LÊ THỊ THỦY	DƯƠNG	25.20	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	KẾ TOÁN	12A10
14	LÊ THANH	HUỆ	25.35	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12A10
15	NGUYỄN THỊ THẢO	TRANG	24.00	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG CLC	12A10
16	TRẦN MINH	CHÂU	25.50	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12A11
17	HUỠNH BAO HẢI	ĐĂNG	25.90	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	KẾ TOÁN	12A11
18	HOÀNG GIA	MINH	24.50	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12A11
19	SƠN MINH	TÙNG	24.50	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	LUẬT KINH TẾ	12A11
20	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	25.60	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	KINH TẾ QUỐC TẾ	12D3
21	HOÀNG THÁI	HUY	24.65	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	NGÔN NGỮ ANH	12D9
22	ĐẶNG BÙI HOÀNG	ANH	24.60	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D9
23	TRỊNH NGỌC	HÂN	25.50	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	NGÔN NGỮ ANH	12D9
24	ĐỖ ĐỨC ANH	TUẤN	23.80	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG CLC	12D10
25	ĐOÀN THỊ BÍCH	NGỌC	25.60	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	KẾ TOÁN	12D10
26	VŨ TUẤN	KIỆT	25.25	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	LUẬT KINH TẾ	12D10
27	NGUYỄN NGỌC	HÂN	25.10	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D13
28	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	25.95	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12A4
29	TRẦN NGUYỄN UYÊN	PHA	25.90	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	NGÔN NGỮ ANH	12A4
30	NGUYỄN NGỌC TRINH	TRINH	24.00	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12A6
31	NGUYỄN TẤN	THÀNH	26.60	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	TÀI CHÍNH- NGÂN HÀNG	12D1
32	MAI GIA	BẢO	25.15	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D4
33	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	24.95	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D4
34	PHẠM THẠCH PHƯƠNG	LINH	25.60	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D5
35	TRẦN PHƯƠNG	NGA	23.90	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	NGÔN NGỮ ANH	12D5
36	TRƯỜNG NGỌC	ÁNH	24.45	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	KINH TẾ QUỐC TẾ	12D6
37	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	24.65	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	KINH TẾ QUỐC TẾ	12D6
38	ĐINH THỊ THỦY	DUYÊN	24.65	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D7
39	KHÔNG VŨ MINH	THÁI	24.90	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	ĐH CHÍNH QUY CLC	12D11
40	CAO TRẦN PHƯƠNG	TRINH	23.85	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG (CLC)	12D13
41	ĐẶNG HỒNG TRÂM	ANH	24.50	ĐH NGÂN HÀNG TPHCM	KẾ TOÁN (CLC)	12D13
1	TRẦN THUY MINH	THY	24.35	ĐH MỞ TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A7
2	TRẦN TUYẾT	ANH	23.45	ĐH MỞ TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A10
3	NGUYỄN THỊ MINH	HÀNG	24.40	ĐH MỞ TPHCM	KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN	12A10
4	HUỠNH HUY	HÙNG	24.10	ĐH MỞ TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A11
5	NGÂN HOÀNG	HUY	24.25	ĐH MỞ TPHCM	HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ	12A11
6	LÊ NGUYỄN TRÚC	NA	23.95	ĐH MỞ TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D11
7	VÕ THỦY	VÂN	26.45	ĐH LUẬT TPHCM	LUẬT	12A1
8	ĐÀO NGỌC ANH	THỨ	26.10	ĐH LUẬT TPHCM	LUẬT	12A5
9	HUỠNH NGUYỄN	HY	23.25	ĐH LUẬT TPHCM	LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	12A6
10	BÙI VIỆT PHƯƠNG	LINH	25.65	ĐH LUẬT TPHCM	QUẢN TRỊ LUẬT	12A6

11	PHẠM YẾN	NHI	24.30	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT	12A6
12	ĐẶNG THỊ QUỲNH	NHƯ	25.55	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT DÂN SỰ	12A6
13	CAO NAM	VIỆT	23.10	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT	12A7
14	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	25.10	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT	12A7
15	VŨ NGỌC BẢO	THƯ	25.80	ĐH LUẬT TP HCM	QUẢN TRỊ LUẬT	12A10
16	NGUYỄN THANH	NGÂN	25.90	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT	12A11
17	PHẠM THỊ THU	TRANG	25.60	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT	12D1
18	NGUYỄN THỊ MINH	THÚY	27.30	ĐH LUẬT TP HCM	QUẢN TRỊ-LUẬT	12D1
19	LÊ QUỐC	ĐẠT	26.10	ĐH LUẬT TP HCM	QUẢN TRỊ LUẬT	12D5
20	PHẠM THỊ THU	HẠ	24.85	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT	12D6
21	NGUYỄN TRẦN	PHÚC	24.65	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT	12D6
22	TRẦN MAI	TRÚC	24.45	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT	12D6
23	TRẦN MINH	TUẤN	24.60	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT	12D6
24	PHAN VY	VY	24.95	ĐH LUẬT TP HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D6
25	TẠ TẤN	PHONG	26.35	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT	12D9
26	MAI THANH	SƠN	24.50	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT	12D9
27	NGÔ TRUNG	KIÊN	25.10	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT	12D11
28	TRỊNH NGỌC HIẾU	NGHĨA	23.50	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT	12D11
29	THÁI HOÀNG KIM	ÁNH	23.70	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT	12D13
30	LÊ THỊ HOÀI	NAM	25.50	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT	12D13
31	PHẠM HUYỀN	TRÂM	22.85	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT	12A4
32	LÊ THỊ PHƯƠNG	ANH	26.05	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT	12A4
33	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	25.45	ĐH LUẬT TP HCM	QUẢN TRỊ LUẬT	12D9
34	PHẠM LÊ THÙY	TIỀN	25.50	ĐH LUẬT TP HCM	QUẢN TRỊ LUẬT	12D4
29	TRẦN PHƯƠNG	UYÊN	24.70	ĐH LUẬT TP HCM	LUẬT	12D3
30	THÁI MINH	TUỆ	25.95	ĐH SĨ QUAN LỤC QUÂN 2	SĨ QUAN CHỈ HUY	12A4
31	TRẦN HÙNG	LONG	24.90	ĐH SĨ QUAN LỤC QUÂN 2	CHỈ HUY THAM MƯU LỤC QUÂN	12D10
19	BÙI THÂN	NGHIÊM	26.15	ĐH KIẾN TRÚC TP HCM	KỸ THUẬT XÂY DỰNG	12A4
20	PHẠM VĂN	BẢO	24.65	ĐH KIẾN TRÚC TP HCM	THIẾT KẾ ĐỒ HỌA	12A7
21	TRỊNH PHÚC MINH	TRUNG	21.80	ĐH KIẾN TRÚC TP HCM	QUẢN LÝ XÂY DỰNG	12A7
22	TRẦN NGUYỄN	VŨ	25.05	ĐH KIẾN TRÚC TP HCM	KỸ THUẬT XÂY DỰNG	12D3
23	VŨ LƯU PHƯƠNG	DUYÊN	24.55	ĐH KIẾN TRÚC TP HCM	THIẾT KẾ CÔNG NGHIỆP	12D9
35	NGÔ DƯƠNG VÂN	ANH	24.65	ĐH KIẾN TRÚC TP HCM	THIẾT KẾ ĐỒ HỌA	12A4
36	TRẦN MẠNH BẢO	NGỌC	23.65	ĐH KINH TẾ TP HCM	TLUẬT THƯƠNG MAI QUỐC TẾ	12D7
37	NGUYỄN HOÀNG	QUÂN	26.65	ĐH KINH TẾ TP HCM	KIỂM TOÁN	12D7
38	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	27.55	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG	12A1
39	TRẦN THỊNH	THỊNH	26.60	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A1
40	TRẦN HOÀNG	HÙNG	26.40	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH TẾ ĐẦU TƯ	12A1
41	PHẠM THỊ KHẢ	MY	25.95	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A1
1	VÕ THỊ MỸ	DUYÊN	26.95	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	12A2
2	LÊ NGUYỄN HƯƠNG	GIANG	27.45	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ-	12A2
3	NGUYỄN AN	KHANG	27.60	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH- NGÂN HÀNG	12A2
4	KHÔNG NGUYỄN TỎ	MẦN	26.60	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A2
5	CAO BẢO	NGỌC	27.65	ĐH KINH TẾ TP HCM	LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUN	12A2
6	NGUYỄN TRÍ ANH	QUÂN	26.35	ĐH KINH TẾ TP HCM	LUẬT KINH TẾ	12A2
7	MẠCH NGUYỄN THANH	THẢO	26.55	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH CLC	12A2
8	TRẦN THỊ THANH	VÂN	27.05	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A2
9	HOÀNG PHƯƠNG	ANH	26.00	ĐH KINH TẾ TP HCM	KẾ TOÁN	12A4
10	LÊ MẠNH	CUÔNG	26.65	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A4
11	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	26.75	ĐH KINH TẾ TP HCM	KẾ TOÁN	12A4
12	HUỲNH QUỐC	AN	27.25	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QT	12A5
13	NGUYỄN HUỲNH THÚY	AN	27.05	ĐH KINH TẾ TP HCM	MARKETING	12A5
14	NGUYỄN ĐOÀN MINH	ANH	27.00	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH NH	12A5
15	PHÙ CHỈ	DOÃN	24.40	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH NH	12A5
16	TẠ BÙI MINH	HUYỀN	26.25	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ KD	12A5
17	PHAN LÊ DUY	MINH	27.05	ĐH KINH TẾ TP HCM	KD THƯƠNG MẠI	12A5
18	TRƯƠNG NGUYỄN NGỌC	MINH	23.95	ĐH KINH TẾ TP HCM	MARKETING	12A5
19	NGUYỄN ÁNH NGUYỆT	NHI	25.05	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH TẾ	12A5
20	PHẠM VY	SƠN	26.30	ĐH KINH TẾ TP HCM	TC NGÂN HÀNG	12A5
21	BÙI NHẬT	TẤN	25.60	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH TẾ ĐẦU TƯ	12A5
22	NGUYỄN NGỌC	THẢO	24.95	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ KSN	12A5
23	TRẦN MINH	HIỀN	24.65	ĐH KINH TẾ TP HCM	NGÔN NGỮ ANH	12A6
24	TRƯƠNG KHÁNH	DI	26.60	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A7
25	NGUYỄN ĐỖ QUỲNH	HƯƠNG	26.30	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A7
26	TỬ QUỲ	NGỌC	24.90	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH ỨNG DỤNG	12A7
27	LÊ VŨ MẦN	NHI	25.55	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A7
28	NGUYỄN HÀ QUỲNH	NHƯ	26.90	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12A7
29	LÊ THÙY KHÁNH	VY	26.45	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12A7
30	NGUYỄN BẢO	HÂN	23.60	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A8
31	PHẠM THỊ MỸ	ANH	26.90	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12A10

32	TRẦN QUANG	BÌNH	27.00	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A10
33	LÊ QUANG	MINH	27.00	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A10
34	HOÀNG PHƯƠNG	THẢO	26.50	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12A10
35	LÊ XUÂN	THẢO	26.05	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH TẾ ĐẦU TƯ	12A10
36	NGUYỄN VŨ HƯƠNG	KHUÊ	26.05	ĐH KINH TẾ TP HCM	KẾ TOÁN	12A11
1	TRẦN KHÁNH	LINH	26.90	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12A11
2	TRƯƠNG THỊ HỒNG	PHƯƠNG	26.20	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12A11
3	NGUYỄN HỒ NHỰT	TIỀN	25.85	ĐH KINH TẾ TP HCM	KẾ TOÁN	12A11
4	HỨA NGỌC BẢO	CHÂU	27.10	ĐH KINH TẾ TP HCM	KIỂM TOÁN	12D1
5	LÊ HOÀNG LAN	ANH	27.00	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12D1
6	BÙI THỊ	THOM	27.70	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12D1
7	NGUYỄN HOÀNG	HUY	26.80	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH THƯƠNG MẠI	12D1
8	LÊ THỊ MINH	THÙY	25.60	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH TẾ	12D1
9	LÝ HUỖNH GIA	MÃN	25.35	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH TẾ ĐẦU TƯ	12D1
10	ĐẶNG QUỐC	HOÀN	28.15	ĐH KINH TẾ TP HCM	LOGISTICS VÀ CHUỖI CUNG ỨNG	12D1
11	TRẦN PHƯƠNG	DUY	27.65	ĐH KINH TẾ TP HCM	MARKETING	12D1
12	TRẦN NGỌC BẢO	TRẦN	24.90	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN LÝ CÔNG	12D1
13	NGUYỄN THẢO	VY	26.95	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D1
14	VÕ ĐỖ KIỀU	THỊNH	26.70	ĐH KINH TẾ TP HCM	TOÁN KINH TẾ	12D1
15	BÙI PHÚC ANH	THƯ	26.60	ĐH KINH TẾ TP HCM	CN VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	12D2
16	LÊ THANH	VY	26.20	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D2
17	TRƯỜNG NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	25.20	ĐH KINH TẾ TP HCM	CT CỬ NHÂN TÀI NĂNG	12D3
18	BÙI THANH DIỆU	HIỀN	26.60	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12D3
24	NGUYỄN VÔ HUY	HÙNG	26.30	ĐH KINH TẾ TP HCM	CT CỬ NHÂN TÀI NĂNG	12D3
25	NGUYỄN HỒ THẢO	LINH	26.10	ĐH KINH TẾ TP HCM	MARKETING	12D3
26	VŨ KIM	NGÂN	25.55	ĐH KINH TẾ TP HCM	CT CỬ NHÂN TÀI NĂNG	12D3
27	HUỖNH MINH	NHƯ	27.60	ĐH KINH TẾ TP HCM	LOGICSTIS	12D3
28	LA OANH	OANH	26.10	ĐH KINH TẾ TP HCM	CT CỬ NHÂN TÀI NĂNG	12D3
29	BÙI TRẦN PHƯƠNG	THẢO	26.15	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12D3
30	TRẦN ÁI	VI	27.65	ĐH KINH TẾ TP HCM	KHOA HỌC DỮ LIỆU	12D3
31	PHẠM PHƯƠNG	VY	25.90	ĐH KINH TẾ TP HCM	KẾ TOÁN	12D3
32	VÔ HOÀNG	DƯƠNG	26.00	ĐH KINH TẾ TP HCM	KẾ TOÁN	12D5
33	PHAN NGỌC	HÂN	25.55	ĐH KINH TẾ TP HCM	LUẬT KINH TẾ	12D5
34	LÊ THỊ TUYẾT	HỒNG	25.50	ĐH KINH TẾ TP HCM	LUẬT KINH TẾ	12D5
35	TRẦN KIM	KHÁNH	25.10	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12D5
36	PHAN TRUNG	KIÊN	23.95	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D5
37	NGÔ THANH	KIỀU	21.55	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN LÝ CÔNG	12D5
38	TRẦN THỊ HỒNG	LOAN	26.20	ĐH KINH TẾ TP HCM	LUẬT KINH TẾ	12D5
39	LÊ NGUYỄN THẢO	NGÂN	25.75	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D5
40	NGUYỄN HOÀNG NHƯ	NGỌC	26.20	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D5
1	ĐẶNG MINH	QUÂN	26.10	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	12D5
2	LÊ HOÀNG	QUÂN	25.90	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12D5
3	HOÀNG THỊ THANH	TÂM	26.50	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12D5
4	HOÀNG THỊ QUỲNH	TRANG	26.95	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12D5
5	ĐÌNH HỮU	BẢO	26.25	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D6
6	HOÀNG KHÁNH	LINH	27.50	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D6
7	LÊ NGUYỄN KHÁNH	LINH	26.35	ĐH KINH TẾ TP HCM	THỐNG KÊ	12D6
8	TỪ THỊ MAI	LOAN	26.35	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D6
9	NGUYỄN CẨM	LY	26.00	ĐH KINH TẾ TP HCM	KẾ TOÁN	12D6
10	ĐỖ VĂN	LINH	26.50	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH TẾ	12D7
11	HỒ TRẦN TỬ	LINH	26.40	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D7
12	LÊ TRỌNG	MẠNH	26.45	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D7
13	NGUYỄN BAO	THẠCH	25.90	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN LÝ CÔNG	12D7
14	NGUYỄN DUY	TRƯỜNG	27.05	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12D7
15	LÊ TƯỜNG	VY	26.35	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D7
16	PHẠM LÊ LINH	THOẠI	23.90	ĐH KINH TẾ TP HCM	NGÔN NGỮ ANH	12D8
17	TÔN VÔ QUỲNH	DIỆP	24.85	ĐH KINH TẾ TP HCM	KẾ TOÁN	12D11
32	LÊ BÍCH	LÊ	26.70	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D11
35	NGUYỄN BÌNH TRÚC	NGHI	24.90	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG	12D11
18	NGUYỄN TRẦN NAM	SƠN	26.00	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH TẾ	12D11
19	ĐÌNH THỊ TRÚC	XINH	26.35	ĐH KINH TẾ TP HCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D11
20	NGUYỄN VÔ THANH	HÀ	24.35	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ BỆNH VIỆN	12D12
21	LÂM BẢO	NHƯ	25.60	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN LÝ CÔNG	12D12
22	LIÊN NGỌC	TRẦN	24.05	ĐH KINH TẾ TP HCM	KẾ TOÁN	12D12
23	TRẦN THỊ TỬ	ANH	25.85	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D13
24	VŨ NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	26.05	ĐH KINH TẾ TP HCM	LUẬT	12D13
25	HOÀNG ANH	THƯ	26.05	ĐH KINH TẾ TP HCM	KIỂM TOÁN	12D13
26	PHẠM NGUYỄN MINH	THẢO	26.35	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A2
27	TRẦN VŨ TUẤN	VIỆT	27.45	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A2
28	VÔ TRẦN TRÚC	VY	26.90	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH THƯƠNG MẠI	12A2

34	ĐOÀN HỮU	THỊNH	26.95	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH THƯƠNG MẠI	12D4
35	PHẠM DƯƠNG	THÁI	26.85	ĐH KINH TẾ TP HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D4
36	ĐÌNH DUY	THÔNG	26.30	ĐH KINH TẾ TP HCM	KỸ THUẬT PHẦN MỀM	12D4
37	NGUYỄN PHƯƠNG	NGÂN	26.20	ĐH KINH TẾ TP HCM	KINH DOANH THƯƠNG MẠI	12D4
38	VÕ MAI UYÊN	HÂN	25.05	ĐH KINH TẾ TP HCM	KẾ TOÁN	12D13
39	NGUYỄN ĐẮC	KHÁNH	25.95	HỌC VIỆN KỸ THUẬT QUÂN SỰ	CHỈ HUY KỸ THUẬT QUÂN SỰ	12D3
1	DƯƠNG GIA	LÂM	24.10	HỌC VIỆN KỸ THUẬT MẬT MÃ	AN TOÀN THÔNG TIN	12A7
2	NGUYỄN VÕ BẢO	NHI	25.80	HỌC VIỆN KỸ THUẬT MẬT MÃ	AN TOÀN THÔNG TIN	12D7
3	MAI PHẠM BẢO	TRẦN	27.45	ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A4
4	THÁI TỶ	KSOR	24.10	ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN	LUẬT KINH TẾ	12A8
5	PHÙNG QUỐC VĨNH	CHUNG	28.70	ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN	KINH DOANH QUỐC TẾ	12D1
6	ĐÀO ANH	HUY	23.50	ĐH CÔNG NGHIỆP TP HCM	CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÁY TÍNH	12A7
7	TRẦN KIM	PHÚC	22.40	ĐH CÔNG NGHIỆP TP HCM	KỸ THUẬT CƠ KHÍ	12A10
8	LÊ TRỌNG	HIỂU	26.50	ĐH CÔNG NGHIỆP TP HCM	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A11
9	LÊ MINH	HIỂU	24.85	ĐH CÔNG NGHIỆP TP HCM	CÔNG NGHỆ TỰ ĐỘNG HOÁ	12D10
10	ĐẶNG THỊ NGUYỆT	HÀ	23.00	ĐH CÔNG NGHIỆP TP HCM	KIỂM TOÁN	12D10
11	PHAN LÊ UYÊN	PHƯƠNG	24.20	ĐH CÔNG NGHIỆP TP HCM	MARKETING	12D11
12	TRẦN HUY	HOÀNG	24.90	ĐH CÔNG NGHIỆP TP HCM	KỸ THUẬT Ô TÔ	12D12
13	NGUYỄN LÝ TR TH NGỌC	LAM	24.20	ĐH CÔNG NGHIỆP TP HCM	TÀI CHÍNH NHÂN HÀNG (CLC)	12D12
14	NGUYỄN NHẬT	TẤN	25.05	ĐH CÔNG NGHIỆP TP HCM	KỸ THUẬT PHẦN MỀM	12A6
15	TRẦN PHƯƠNG	MAI	18.85	ĐH CÔNG NGHIỆP TP HCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D7
16	LÊ KHÁNH	VI	24.60	HỌC VIỆN TÒA ÁN	LUẬT	12D6
17	VĂN ĐÌNH	DƯƠNG	24.85	ĐH HOA SEN	NGHỆ THUẬT SỐ	12D10
18	HÀ MỸ	HÂN	24.00	ĐH HOA SEN	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	12D11
19	HOÀNG TUẤN	VŨ	26.65	HỌC VIỆN HẢI QUÂN		12D4
20	NGUYỄN HỒNG	CUỒNG	25.90	HỌC VIỆN HẢI QUÂN		12D4
21	NGUYỄN TẮT	ĐẠT	22.75	ĐH QUỐC TẾ HỒNG BÀNG	RĂNG-HÀM-MẶT	12D8
22	HUỲNH NHẬT	VY	24.00	ĐH QUỐC TẾ HỒNG BÀNG	RĂNG HÀM MẶT	12A9
23	ĐỖ HOÀNG TINH	TÚ	23.60	ĐH QUỐC TẾ HỒNG BÀNG	RĂNG HÀM MẶT	12A8
24	TRẦN VĨNH	HOÀNG	25.60	ĐH QUỐC TẾ HỒNG BÀNG	Y KHOA	12A9
25	NGUYỄN PHƯỚC	NGUYỄN	24.45	ĐH QUỐC TẾ HỒNG BÀNG	RĂNG HÀM MẶT	12A9
26	VŨ LÝ YẾN	XUÂN	24.35	ĐH QUỐC TẾ HỒNG BÀNG	Y KHOA	12A9
27	ĐẶNG HUỆ	NHI	21.60	ĐH QUỐC TẾ HỒNG BÀNG	ĐIỀU DƯỠNG	12A11
28	PHAN TRỌNG	ÂN	25.50	ĐH QUỐC TẾ HỒNG BÀNG	Y ĐA KHOA	12A12
29	PHẠM TIẾN	DŨNG	23.85	ĐH QUỐC TẾ HỒNG BÀNG	DƯỢC	12A12
30	NGUYỄN HỮU	KHANG	25.45	ĐH QUỐC TẾ HỒNG BÀNG	Y ĐA KHOA	12A12
31	HUỲNH LÊ	QUÂN	24.35	ĐH QUỐC TẾ HỒNG BÀNG	PHỤC HỒI CHỨC NĂNG	12D10
32	TRẦN LÊ MINH	KHÁNH	26.45	HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM	QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY	12A4
33	ĐỖ HOÀNG	NGÂN	27.45	HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM	QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY	12A4
34	TRẦN LÂM	NHƯ	25.35	HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A12
35	LÊ TẮT	THÀNH	23.35	HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM	KĨ THUẬT HÀNG KHÔNG	12A11
36	PHẠM NAM	HẢI	25.70	HỌC VIỆN HẬU CẦN	HẬU CẦN QUÂN SỰ	12A6
37	MAI HOÀI	NAM	25.50	HỌC VIỆN HẬU CẦN	HẬU CẦN QUÂN SỰ	12A6
38	HUỲNH LÊ HOÀNG	BẢO	28.50	HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ CÔNG AN NHÂN DÂN	XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN	12A2
39	ĐỖ THANH	TIẾN	24.35	ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TP HCM	CƠ KHÍ	12A11
40	LÊ TUẤN	KIỆT	23.05	ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TP HCM	LOGISTICS	12D9
41	NGUYỄN MINH	ANH	24.80	ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TP HCM	LOGISTIC QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG	12D10
1	VƯƠNG TẤN	SANG	23.05	ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TP HCM	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12D12
2	PHAN NGUYỄN TUẤN	TÀI	25.00	ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TP HCM	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12D12
3	LÊ THỊ MỸ	HẠNH	25.80	ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TP HCM	QUẢN TRỊ LOGISTICS	12D4
4	VĂN TRỌNG ANH	ĐỨC	25.55	ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TP HCM	QUẢN TRỊ LOGISTICS	12D4
5	ĐÀO CHÂU DUY	HÙNG	25.35	ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TP HCM	QUẢN TRỊ LOGISTICS	12D4
6	NGUYỄN QUANG	KHÁI	23.45	ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TP HCM	QUẢN TRỊ LOGISTICS	12D4
7	LÊ YẾN	NHI	23.20	ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TP HCM	LOGISTIC (CLC)	12D13
8	NGUYỄN VĂN	KHOA	25.65	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12D4
9	NGUYỄN NHẬT	QUỲNH	25.60	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12D4
10	TRẦN KIM BẢO	TRẦN	25.80	ĐH FPT	THIẾT KẾ MỸ THUẬT SỐ	12A1
11	HỒ QUANG	THÀNH	25.45	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A1
12	NGUYỄN PHÚC	LÂM	25.20	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A1
15	NGUYỄN TẤN THIÊN	NGÂN	24.90	ĐH FPT	THIẾT KẾ MỸ THUẬT SỐ	12A4
16	NGUYỄN PHẠM MAI	THY	26.25	ĐH FPT	THIẾT KẾ MỸ THUẬT SỐ	12A4
13	TRẦN NGUYỄN PHƯỚC	ÂN	24.45	ĐH FPT	CNTT	12A5
14	NGUYỄN TRẦN HỮU	KHÔI	24.00	ĐH FPT	AN TOÀN THÔNG TIN	12A6
20	THẨM NHẬT	NGỌC	24.75	ĐH FPT	DIGITAL MARKETING	12A6
21	VƯƠNG TRẦN QUANG	THẮNG	22.90	ĐH FPT	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A6
22	VÕ TRUNG	TÍN	22.50	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A6
17	BÙI NGỌC	CHÂU	26.05	ĐH FPT	TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN	12A7
18	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	25.00	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A7
19	TRỊNH KẾ	HIỂU	24.40	ĐH FPT	THIẾT KẾ KỸ THUẬT SỐ	12A8
23	NGUYỄN MINH	NHẬT	25.35	ĐH FPT	TRÍ TUỆ NHÂN TẠO	12A10

24	NGUYỄN TRUNG	HIỀN	26.75	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A11
25	NGUYỄN LÊ	NAM	25.35	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A11
26	NGUYỄN MINH	NAM	24.10	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A11
27	NGUYỄN XUÂN HỒNG	PHÁT	24.90	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A11
28	PHAN NGUYỄN NGỌC QUỲNH	GIAO	26.65	ĐH FPT	THIẾT KẾ MỸ THUẬT SỐ	12D1
29	NGUYỄN THANH	BÌNH	24.55	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12D5
30	PHẠM ANH	THY	26.55	ĐH FPT	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D5
31	PHẠM THỊ NGỌC	QUỲNH	25.40	ĐH FPT	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D7
32	NGÔ NGUYỄN HUYỀN	TRANG	26.00	ĐH FPT	DIGITAL MARKETING	12D7
33	NGUYỄN THÀNH	TÀI	23.40	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12D8
34	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	24.85	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12D9
35	NGUYỄN TUẤN	KHÁI	25.35	ĐH FPT	TRÍ TUỆ NHÂN TẠO	12D10
36	BÙI ĐẠI	VŨ	24.55	ĐH FPT	DIGITAL MARKETING	12D10
37	TRƯỜNG TÂN	SANG	23.70	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12D11
38	LÊ GIA	NINH	25.30	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12D12
39	PHẠM ANH	TÀI	26.10	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12D12
33	LÊ KHẮC NGUYỄN	TRUNG	26.05	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12D12
1	NGUYỄN HẠ VÂN	ANH	21.20	ĐH FPT	NGÔN NGỮ ANH	12D13
2	PHẠM NGUYỄN THÚY	HIỀN	23.20	ĐH FPT	MARKETING	12D13
3	NGUYỄN VĂN ANH	HOÀNG	23.25	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12D13
4	PHẠM TIẾN	MẠNH	26.15	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12D13
5	ĐÀO ĐẠI	SON	25.05	ĐH FPT	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12D13
6	NGUYỄN CHÂU HỒNG	PHÚC	25.05	ĐH TRÀ VINH	RĂNG HÀM MẶT	12A12
7	VĂN HIỀN SONG	KHOA	25.00	ĐH TRÀ VINH	Y KHOA	12D2
8	MAI XUÂN	TRƯỜNG	25.35	ĐH TRÀ VINH	RĂNG - HÀM - MẶT	12D2
9	TRẦN ĐÔNG	NGUYỄN	25.20	ĐH VẮN LANG	RĂNG-HÀM-MẶT	12D8
10	PHAN NGUYỄN HOÀNG	LỘC	24.90	ĐH VẮN LANG	RĂNG-HÀM-MẶT	12D8
11	TRẦN THANH	DANH	24.55	ĐH VẮN LANG	Y ĐA KHOA	12D8
12	HỒ TRẦN HẠNH	NGUYỄN	23.95	ĐH VẮN LANG	RĂNG-HÀM-MẶT	12D8
13	NGUYỄN TRẦN MINH	CHÂU	25.00	ĐH VẮN LANG	QUAN HỆ CÔNG CHÚNG	12D11
14	NGUYỄN PHAN ANH	MINH	24.75	ĐH VẮN LANG	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D11
15	NGUYỄN HẢI MINH	THƯ	22.80	ĐH VẮN LANG	KINH TẾ - TÀI CHÍNH	12D11
16	NGUYỄN VIỆT	LUÂN	24.75	ĐH VẮN LANG	RĂNG HÀM MẶT	12A8
17	HỒ TRẦN KHÁNH	LINH	25.50	ĐH VẮN LANG	RĂNG HÀM MẶT	12D5
18	NGÔ HỮU MAI	HƯƠNG	23.40	ĐH VẮN LANG	QUAN HỆ CÔNG CHÚNG	12D12
19	VŨ MAI	THY	24.85	ĐH TÔN ĐỨC THẮNG	KINH TẾ QUỐC TẾ	12A5
20	NGỤY NGUYỄN	PHƯƠNG	26.20	ĐH TÔN ĐỨC THẮNG	KINH TẾ QUỐC TẾ	12A5
21	ĐẶNG NGUYỄN TIẾN	HÙNG	24.40	ĐH TÔN ĐỨC THẮNG	ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA	12A6
22	NGÔ KHÁNH	QUỲNH	23.45	ĐH TÔN ĐỨC THẮNG	KẾ TOÁN	12A11
23	TRẦN THỊ HỒNG	HÀ	24.95	ĐH TÔN ĐỨC THẮNG	LUẬT	12D7
24	ĐOÀN TUẤN	TÀI	26.40	ĐH TÔN ĐỨC THẮNG	KINH DOANH QUỐC TẾ	12D7
25	NHƯ ĐĂNG	HIẾU	25.70	ĐH TÔN ĐỨC THẮNG	DƯỢC HỌC	12D10
26	PHẠM THỊ MINH	HỒNG	24.35	ĐH TÔN ĐỨC THẮNG	LUẬT	12D10
27	ĐẬU BÁ	CHIẾN	23.60	ĐH TÔN ĐỨC THẮNG	KIẾN TRÚC	12D11
28	NGÔ ĐẠI TRUNG	HIẾU	24.75	ĐH TÔN ĐỨC THẮNG	KINH DOANH QUỐC TẾ	12D12
29	HUỲNH TRỌNG	NHÂN	25.15	ĐH PHAN CHU TRINH	Y ĐA KHOA	12A12
30	PHẠM HỒNG PHƯƠNG	THẢO	20.40	ĐH NỘI VỤ	LUẬT	12A6
31	NGUYỄN HƯƠNG	TRÀ	25.05	ĐH ĐỒNG NAI	SƯ PHẠM TOÁN	12A4
32	ĐÀO THỊ QUỲNH	ANH	23.15	ĐH NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TPHCM	NGÔN NGỮ TRUNG	12D13
33	CÁI ĐẶNG YẾN	NHI	24.10	ĐH NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TPHCM	QUAN HỆ QUỐC TẾ	12D9
34	ĐẶNG VÕ XUÂN	ĐAM	22.15	ĐH NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TPHCM	ĐỒNG PHƯƠNG HỌC	12A7
35	NGỤY LAM	GIANG	23.05	ĐH NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TPHCM	ĐỒNG PHƯƠNG HỌC	12A7
36	NGUYỄN LÊ KHÁNH	LINH	23.25	ĐH NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TPHCM	NGÔN NGỮ ANH	12A7
37	NGUYỄN HỒ ÁNH	TUYẾT	24.20	ĐH NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TPHCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12D12
38	ĐẶNG MINH	QUÂN	25.20	ĐH NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TPHCM	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	12A10
39	LÊ NGUYỄN YẾN	NHI	24.00	ĐH NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TPHCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12D5
1	NGÔ CHÁNH	THẠC	24.55	ĐH NAM CẦN THƠ	Y KHOA	12A9
2	LÊ HUY	HOÀNG	23.70	ĐH NAM CẦN THƠ	Y ĐA KHOA	12D8
3	MAI GIA	LONG	25.30	ĐH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	12D7
4	NGUYỄN NGỌC LAN	ANH	25.55	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	KẾ TOÁN	12D6
5	PHẠM QUỐC	HUY	24.25	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D6
6	PHAN HOÀNG GIA	BẢO	24.35	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	KẾ TOÁN (CLC)	12D7
7	PHAN NGỌC	KHANH	23.70	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	BẤT ĐỘNG SẢN (CLC)	12D7
8	LÊ HUỲNH NGUYỄN	VĂN	25.30	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12D7
9	NGUYỄN NGỌC	ANH	25.05	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A7
10	NGUYỄN HOÀI ÁNH	NGỌC	23.55	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12A7
11	NGUYỄN NGỌC THẢO	NHI	24.90	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A7
12	PHAN NGỌC MINH	CHÂU	24.05	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12A6
13	CHÂU THỊ MINH	THƯ	24.80	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A6
14	NGÔ TRUNG	KIẾN	24.55	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	LOGISTICS	12D9

15	VÕ NGỌC BẢO	THỨ	24.60	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	KẾ TOÁN	12D9
16	TRƯƠNG THUYẾT HỒNG	NHUNG	24.30	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH(CHẤT LƯỢNG)	12D11
17	PHẠM VŨ SONG	HÀO	24.30	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG (CLC)	12D12
18	HOÀNG LÊ	TÍN	24.25	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH (CLC)	12D12
19	NGUYỄN TRƯƠNG PHƯƠNG	UYÊN	26.05	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12D12
20	LÊ ANH	DŨNG	24.20	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH (CLC)	12D13
21	ĐẶNG HUỖNH	TRÂM	25.25	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	LUẬT KINH TẾ	12D13
22	TRẦN THỊ MINH	HUYỀN	25.25	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	KẾ TOÁN	12D13
23	NGUYỄN QUẾ	CHI	25.90	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH CLC	12A9
24	BÙI NGỌC CHÂU	ANH	24.20	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	QTKD	12A5
25	ĐÌNH ĐỨC	MẠNH	25.10	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12D10
26	LÊ	NA	25.85	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A1
27	TRỊNH THỊ ÁI	NHÂN	25.30	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A4
28	NGUYỄN HOÀNG MỸ	PHƯƠNG	24.95	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	KẾ TOÁN	12A4
29	NGUYỄN HOÀNG ANH	THI	23.50	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	MARKETING_QT	12A4
30	KIỀU NGUYỄN HOÀI	THƯƠNG	23.95	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A10
31	CAO NGỌC THUY	TRANG	26.35	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	MARKETING	12A10
32	NGUYỄN PHẠM MINH	TRÍ	23.55	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	BẤT ĐỘNG SẢN CLC	12A10
33	CAO TẤN	PHÁT	26.80	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A11
34	LÊ LÂM MINH	THỨ	25.95	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG	12A11
35	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	24.60	ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TPHCM	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	12D4
36	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	21.15	DU HỌC ÚC		12A6
37	TRẦN NGUYỄN ANH	KIỆT	26.15	DU HỌC ÚC		12A6
1	DƯƠNG THỊ THÚY	VY	24.30	DU HỌC Ở NHẬT		12A6
2	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	24.25	DU HỌC MỸ		12A11
3	HOÀNG MINH	ANH	25.80	DU HỌC HÀ LAN		12A4
4	VÕ THANH	TRÀ	24.55	DU HỌC ĐÀI LOAN		12A4
5	NGUYỄN HOÀNG MINH	THỨ	23.90	DU HỌC		12A5
6	VŨ LÂM MINH	HÒA	25.10	DU HỌC	DU HỌC	12A7
10	LÊ THỊ HOÀNG	MY	25.40	DU HỌC		12A8
11	PHAN THỊ KIỀU	TIỀN	24.95	DU HỌC		12D4
12	ĐỒNG LÊ QUỐC	BẢO	26.10	DU HỌC	DU HỌC CANADA	12D5
13	NGUYỄN QUÁCH MAI	ANH	27.30			12A1
14	THẠCH THỊ QUỲNH	NHƯ	23.95			12A9
15	PHAN PHẠM TRƯỜNG S	SON	24.40	ĐH BÁCH KHOA ĐÀ NẴNG	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	12D10
16	THÁI BÌNH	MINH	24.15	ĐH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TPHCM	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	12D11
17	NGÔ YÊN	KHANG	24.60	ĐH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TPHCM	HÓA THỰC PHẨM	12D6
18	LÊ VÕ VÂN	ANH	24.45	ĐH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TPHCM	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	12A6
19	TRẦN QUỲNH BẢO	ÂN	22.65	ĐH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TPHCM	CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM	12A6
20	NGUYỄN NGỌC BẢO	QUỲNH	24.35	ĐH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TPHCM	KINH DOANH QUỐC TẾ	12A6
21	NGUYỄN VIỆT	ANH	26.40	ĐH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TPHCM	KT PHẦN MỀM	12A5
22	YA	ĐẠT	26.40	ĐH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TPHCM	KT PHẦN MỀM	12A5
23	ĐỖ TRÍ	KHANG	24.55	ĐH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TPHCM	LOGISTICS VÀ CHUỖI CUNG ỨNG	12A7
24	NGUYỄN PHAN BẢO	KHANH	27.00	ĐH CẢNH SÁT NHÂN DÂN	NGHIỆP VỤ CẢNH SÁT	12A4
25	BÙI TRỌNG	TÀI	23.85	ĐH CẢNH SÁT NHÂN DÂN	NGHIỆP VỤ CẢNH SÁT	12D5
26	PHẠM BẢO	CƯƠNG	25.15	ĐH CẢNH SÁT NHÂN DÂN	NGHỀ VỤ CẢNH SÁT	12D7
27	NGUYỄN ĐỨC	ANH	26.45	ĐH CẢNH SÁT NHÂN DÂN	NGHIỆP VỤ CẢNH SÁT	12D4
28	LÊ QUỐC	BẢO	25.05	HỌC VIỆN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	AN TOÀN TT	12A5
29	NGÔ VĂN	TUYẾN	23.50	HỌC VIỆN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN - TỰ ĐỘNG H	12A10
30	NGUYỄN MINH	HY	25.65	HỌC VIỆN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	AN TOÀN THÔNG TIN	12D4
36	NGUYỄN BÀ	ĐẠT	26.05	HỌC VIỆN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	CNTT	12D11
7	NGUYỄN NGỌC MINH	KHUÊ	24.35	ĐH Y DƯỢC BUỒN MA THUỘT	Y KHOA	12A7
8	LÊ TIẾN	KHÔI	29.50	ĐH BÁCH KHOA HÀ NỘI	CNTT: KHOA HỌC MÁY TÍNH	12A1
9	ĐẶNG HOÀNG	TẤN	26.35	ĐH BÁCH KHOA HÀ NỘI	KHOA HỌC MÁY TÍNH	12A1
31	PHẠM MINH	TUẤN	26.90	ĐH AN NINH NHÂN DÂN	NGHIỆP VỤ AN NINH	12A2
32	LÝ ĐỒNG	HÀO	22.75	ĐH GREENWICH	QUẢN TRỊ KINH DOANH	12A11
37	NGUYỄN NGỌC THẢO	DUYÊN	28.55	ĐH ALBERTA - CANADA	TÀI CHÍNH	12A2
38	BÙI NAM	PHƯƠNG	23.30	ĐH QUỐC TẾ SWINBURNE	QUAN HỆ CÔNG CHỨNG	12A7

TRƯỜNG ĐẠI HỌC	LỚP																									TỔNG
	12A1	12A2	12A3	12A4	12A5	12A6	12A7	12A8	12A9	12A10	12A11	12A12	12D1	12D2	12D3	12D4	12D5	12D6	12D7	12D8	12D9	12D10	12D11	12D12	12D13	
ĐH Y DƯỢC TP HCM	0	0	26	0	0	0	0	10	7	2	3	8	1	17	0	0	0	2	0	7	0	0	0	1	0	84
HỌC VIỆN QUÂN Y	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1
ĐH Y HÀ NỘI	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
ĐH Y DƯỢC CẦN THƠ	0	0	2	0	0	0	0	2	2	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	12
ĐH VINUNI	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
ĐH VIỆT ĐỨC	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	8
ISB - ĐH KINH TẾ HCM	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	1	8
ĐH KINH TẾ TÀI CHÍNH TP HCM	0	0	0	0	0	2	0	1	0	3	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	3	1	1	0	0	13
ĐH Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH	0	0	9	0	0	0	0	5	12	0	0	8	0	9	0	0	0	0	0	6	0	0	0	0	0	49
ĐH TÂY NGUYÊN	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	3
ĐH SỸ QUAN THÔNG TIN	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
ĐH THƯƠNG MẠI TP HCM	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
ĐH CẦN THƠ	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
ĐH SƯ PHẠM TP HCM	2	1	0	1	1	1	0	0	0	1	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	1	1	12
ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP HCM	2	1	0	0	1	0	2	0	0	5	1	0	1	0	1	4	1	3	2	1	1	7	5	14	7	59
ĐH SÀI GÒN	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
ĐH RMIT	2	2	0	0	0	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	1	0	0	1	11
KHOA Y ĐHQG TP HCM	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	0	3	1	6	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	15
ĐH KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	7
ĐH KHOA HỌC TỰ NHIÊN TP HCM	2	4	2	0	1	1	0	0	1	2	2	0	3	0	1	1	0	0	1	1	1	0	0	0	0	23
ĐH QUỐC TẾ- ĐHQG TP HCM	0	0	0	3	0	6	1	0	0	3	1	0	0	0	1	2	3	10	4	0	12	4	6	1	2	59
ĐH KINH TẾ LUẬT TP HCM	1	4	0	3	5	0	1	0	0	2	2	0	4	0	3	4	4	1	3	0	4	2	1	0	1	45
ĐH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TP HCM	3	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	1	1	0	0	1	0	1	0	0	0	1	11
ĐH BÁCH KHOA TP HCM	7	6	0	6	6	0	3	0	0	5	5	0	9	3	5	8	8	3	5	7	6	3	2	3	3	105
ĐH NGUYỄN TẤT THÀNH	0	0	0	0	0	0	0	6	2	0	0	4	1	1	0	0	0	0	1	0	0	2	0	0	0	17
ĐH NGOẠI THƯƠNG TP HCM	2	6	0	0	0	0	1	0	0	0	2	0	0	0	7	0	2	1	1	2	0	0	0	0	1	25
ĐH NÔNG LÂM	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	2
ĐH NGÂN HÀNG TP HCM	1	0	0	3	2	1	2	0	0	4	4	0	1	0	1	2	2	2	1	0	3	3	1	2	3	38
ĐH MỞ TP HCM	0	0	0	0	0	0	1	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	6
ĐH LUẬT TP HCM	1	0	0	2	1	4	2	0	0	1	1	0	2	0	1	1	1	5	0	0	3	0	2	0	2	29
ĐH SĨ QUAN LỤC QUÂN 2	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	2
ĐH KIẾN TRÚC TP HCM	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	6
ĐH KINH TẾ TP HCM	4	11	0	3	11	1	6	1	0	5	4	0	11	2	10	4	13	5	8	1	0	0	5	3	4	112
HỌC VIỆN KỸ THUẬT QUÂN SỰ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
HỌC VIỆN KỸ THUẬT MẬT MÃ	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2
ĐH KINH TẾ QUỐC DÂN	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3
ĐH CÔNG NGHIỆP TP HCM	0	0	0	0	0	1	1	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	2	1	2	0	10
HỌC VIỆN TÒA ÁN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1
ĐH HOA SEN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	2
HỌC VIỆN HẢI QUÂN	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
ĐH QUỐC TẾ HỒNG BÀNG	0	0	0	0	0	0	0	1	4	0	1	3	0	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	0	0	11
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4
HỌC VIỆN HẬU CẦN	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ CÔNG AN NHÂN DÂN	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TP HCM	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4	0	0	0	0	1	1	0	2	1	10
ĐH FPT	3	0	0	2	1	4	2	1	0	1	4	0	1	0	0	2	2	0	2	1	1	2	1	3	5	38
ĐH TRÀ VINH	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3
ĐH VĂN LANG	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	4	0	0	3	1	0	10
ĐH TÔN ĐỨC THẮNG	0	0	0	0	2	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2	1	1	0	10
ĐH NỘI VỤ	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
ĐH ĐỒNG NAI	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
ĐH NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP HCM	0	0	0	0	0	0	3	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	1	1	8
ĐH NAM CẦN THƠ	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	2
ĐH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1
ĐH TÀI CHÍNH MARKETING TP HCM	1	0	0	3	1	2	3	0	1	3	2	0	0	0	0	1	0	2	3	0	2	1	1	3	3	32
DU HỌC	1	0	0	2	1	3	1	1	1	0	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	13
ĐH BÁCH KHOA ĐÀ NẴNG	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1
ĐH CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP HCM	0	0	0	0	2	3	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	8
ĐH CẢNH SÁT NHÂN DÂN	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	1	0	0	0	0	0	0	4
HỌC VIỆN BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	4
ĐH Y DƯỢC BUỒN MA THUỘT	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
ĐH BÁCH KHOA HÀ NỘI	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2
ĐH AN NINH NHÂN DÂN	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
ĐH GREENWICH	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
ĐH ALBERTA - CANADA	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
ĐH QUỐC TẾ SWINBURNE	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1
66 TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÊN CẢ NƯỚC																										961